

## THÍCH THỊ KÊ CỔ LƯỢC TỤC TẬP

*Cừ Am Tỳ-kheo Đại Văn Huyền Luân*

*ở Hạnh Khê, Quy An biên tập.*

*Cừ Am Cư Sĩ Nghiêm Nhĩ Khuê hiệu đính và khắc bản.*

### QUYỂN 1

#### TRIỀU ĐẠI NGUYÊN:

Thái tổ Thành Cát Tư Hãn Hoàng đế vào năm Bính Dần, niên hiệu Khai Hi thứ hai đời Tống Ninh Tông thuận theo vận trời mà xưng niên hiệu Thánh Võ, lập quốc hiệu là Đại Mông Cổ, đóng đô ở Hòa Lâm gọi là Thượng đô. Đến năm Kỷ Sửu, niên hiệu Thiệu Định thứ hai đời Tống Lý Tông thì Thái Tông lên ngôi. Đến năm Bính Ngọ, niên hiệu Thuần Hựu thứ sáu thì Định Tông lên ngôi. Đến năm Tân hợi, niên hiệu Thuần Hựu thứ mười một thì Hiến Tông lên ngôi. Đến năm Kỷ Mùi, niên hiệu Khai Khánh nguyên niên Khánh Tông lên ngôi. Đến năm Canh Thân, niên hiệu Cảnh Định Nguyên niên Thế Tổ lên ngôi cải niên hiệu là Trung Thống, đến năm Giáp Tý lại cải là Chí Nguyên. Trải qua sáu đời, tổng cộng năm mươi chín năm. Nay bắt đầu ghi chép từ năm Giáp Tý, niên hiệu Trung Thống Nguyên niên đời Thế Tổ.

Thế Tổ - Thành Tông - Võ Tông - Nhân Tông - Anh Tông - Thái Tông - Minh Tông - Văn Tông - Ninh Tông - Thuận Tông.

1/ Thế Tổ tên là Hốt Tất Liệt, em cùng mẹ với Hiến Tông, lên ngôi vào năm Canh Thân, tại vị được ba mươi sáu năm, đến tám mươi tuổi thì băng hà. Vua là người nhân nghĩa, sáng suốt mà uy dũng, từng lập nhiều công lớn, thích chinh phạt những miền xa xôi, dùng binh liên tiếp nhiều năm, khiến tất cả đều thần phục, bèn thống nhất thành một đại quốc. Về văn thần nghị bàn trong triều thì có Hứa Hành, Đào Xu ..., về võ tướng công thành chiếm đất thì có Bá Nhan, Đồng Văn Bính ...trị quốc có kỷ cương phép tắc, chế định lễ, nhạc, làm cho nhân dân an lạc, sản vật phong nhiêu, thật là từ xưa chưa từng có (Nguyên sử)

Vào tháng bảy năm Giáp Tý nhằm niên hiệu Chí Nguyên thứ nhất, tức niên hiệu Cảnh Định thứ năm đời Tống, sao chổi xuất hiện ở

phương Đông, ánh sáng kéo dài hơn vài chục trượng, từ canh tư mãi đến khi mặt trời lên cao mới tắt. Cũng tháng tám năm ấy Bỉnh Trung xin định đô tại Yên, Thế Tổ chuẩn y, ban chiếu tu sửa cung điện, thành trì, lập Yên Kinh làm Trung đô, đổi quốc hiệu là Nguyên, đại xá thiên hạ, lập hội độ Tăng. Chiếu thỉnh quốc sư Phân - Di - Đạt Phát - Tư đăng đàn truyền trao giới bí mật. Tháng tám phong tước Quang Lộc Đại Phu Thái Bảo, được tham dự việc trong Trung Thư Tỉnh.

Chế ghi: Trường sinh Thiên Khí Lực, thánh chỉ của Hoàng đế dạy rằng: Lưu Bỉnh Trung tánh tình cương trực, học rộng giỏi văn chương, tuy ẩn tích nơi không môn, mà thường để tâm vào thánh đạo. Khi Trẫm còn là một Phiền Lang, thì khanh là bạn đồng liêu chân thật, Trẫm đã ở một bên nghe được những lời nghị bàn cao xa trong suốt hai mươi năm, hoặc có lúc theo Trẫm, chinh chiến nơi phương xa hằng bao vạn dặm. Đến khi Trẫm kế thừa ngôi vị, thì lại cần đến kế an dân của khanh; nếu trước tiên chẳng có chánh danh, thì làm sao thân phục quần thần, vì thế nay tôn lên địa vị Sư, kiêm Tổng chánh cơ, đặc phong tước Quang Lộc Đại Phu Thái Bảo, lãnh đạo việc ở Trung Thư Tỉnh. Khanh hãy gắng sức giúp Trẫm trước xem xét việc siêng năng hay biếng trễ, sớm tối trong triều, thẩm định phải trái khi luận nghị. Phàm có việc gì thì cho phép được quyết định.

Xét rõ thành tích nên đặc biệt ân sủng ban cho chương phục (Y phục của bậc quyền cao tước trọng)

Hãy vâng theo lời này! (Thông Tả)

Lập Bá Nhan làm Trung Thư Tả Thừa tướng. Bá Nhan là người cẩn trọng, ít nói năng, phàm ở các bộ có việc gì khó quyết định, thì Bá Nhan chỉ cần vài lời là quyết đoán. Vì thế các quan trong Trung Thư Tỉnh đều khâm phục mà tôn là chân Tế Phụ. (Theo Nguyên sử)

Niên hiệu Chí Nguyên thứ hai tức năm Ất Sửu, nhằm niên hiệu Hàm Thuần thứ nhất đời Tống, tháng mười năm sau Tống Lý Tông băng, Độ Tông lên ngôi. Sự tích có ghi chép ở sách trước, nơi đây chẳng ghi.

Ngày mồng một tháng giêng mùa xuân có nhật thực, đến tháng năm Lưu Bỉnh Trung tham dự việc ở Trung Thư Tỉnh. Đã phong quan tước ắt phải lấy việc thiên hạ làm nhiệm vụ của mình, đã biết thì không việc gì chẳng làm. Thế Tổ dùng Đại Kinh trị thiên hạ, dùng lương pháp an dưỡng nhân dân. Bỉnh Trung y cứ theo sách vở của Tổ Tông từ trước, tham khảo phép tắc xưa mà chế định nghi thức cho ngày nay, Thế Tổ khen ngợi liền ban chiếu bố cáo cùng khắp, tức thời nhân tài đều được

trọng dụng. Văn vật mỗi ngày thêm xán lạn.

Vua triệu Hứa Hành đến, phong làm Trung Thư Tĩnh nghị sự. Thừa tướng lúc còn trẻ mới hai mươi mốt tuổi, đã được nghe danh Hứa Hành, lòng đã mến mộ. Đến khi gặp ở hành quán thì càng thêm thán phục, hàng ngày thường đến hỏi han về chánh sự (Nguyên sử).

Thế Tổ nghe danh Trương Đức Huy liền triệu kiến, tham dự luận nghị các việc của Trung Thư Tĩnh. Đức Huy tâu trình với vua về chỗ ảo diệu trong đạo đức của Thánh hiền, phương pháp tu thân trị quốc, nguyên do thanh trị hay loạn lạc xưa nay. Đế bèn ban chiếu làm Học quan dạy dỗ các trưởng tử của vua quan, khiến cho trong ngoài mỗi ngày một đổi mới.

Niên hiệu Chí Nguyên thứ ba năm Bính Dần, tức niên hiệu Hàm Thuần thứ hai đời Tống, Phật giáo truyền đến Trung Quốc tính đến nay đã được một ngàn hai trăm năm.

Chí Nguyên thứ tư, năm Đinh Sửu, tức niên hiệu Hàm Thuần thứ ba đời Tống, vua Tống đến Thái học miếu lễ Khổng Tử, đến Hành xá dâng lễ vật, tôn Nhan Hồi, Tăng Sâm, Khổng Cấp, Mạnh Kha đồng phối hưởng 1, thăng Chuyên, Tôn, Sư vào hàng Thập triết.

Khi Hứa Hành tâu bày trước vua có nêu năm việc: 1. Quy mô lập quốc; 2. Việc quan trọng của Trung Thư Tĩnh; 3. Vì vua khó dùng lời chân thật; 4. Về ruộng vườn trường học; 5. Cản trở. Vua thấu nhận. Sau ông xin trở về quê. Vua chuẩn y (sử).

Thiền sư Phật Quốc húy Chí Ôn, tự Kỳ Ngọc, hiệu Toàn Nhất, thụy hiệu là Phật Quốc Phổ An. Sư là con trai của họ Hách ở Hình châu, lễ Biện Am Nột Công xuất gia, tham học nơi Vô Hoãn Phú Công ở Vạn Thọ, làm thị giả ngài Vạn Tông. Thái Bảo lưu công vì ân tri ngộ với Thế Tổ mà tiến cử Sư. Vua rất vui mừng muốn ban cho quan tước. Sư không nhận và tâu rằng: “Phật pháp lưu thông trong Thiên hạ là bản nguyện của thần, còn phú quý thì chẳng phải là việc mong cầu”. Hiến tông ban chiếu cho Hải Vân làm chủ Thích giáo, đồng thời lệnh cho thiên hạ lập Tư Nhung hội. Sư nhận thánh chỉ tuyên bố khắp nơi, phụ giúp cho hội được thành tựu. Lưu Công Vệ thừa ý chỉ, ban Sư hiệu như trên, quản lý tất cả các việc của Tăng ni trong các địa phương. Sư thuận theo ý của Vệ. Tăng chúng được nơi nương tựa. Sau Sư trả ấn từ chức. Ngày mười một tháng năm năm ấy, tại Thiên cung ở Hoàn châu, sư có chút bệnh, nằm nghiêng hông phải mà thị tịch. Đương lúc trời nắng nóng mà nghi dung như lúc còn sống, lại có mùi hương lạ lan tỏa. Khi thiêu thì quả tim, răng và miệng không cháy, đào đất xuống vài thước mà vẫn còn

được xá-lợi. Sư thọ năm mươi một tuổi, bốn mươi hạ lạc. Học Sĩ Ngu Tập soạn văn bia (Thông Tải).

Niên hiệu Chí Nguyên thứ năm, năm Mậu Thìn, tức nhằm niên hiệu Hàm Thuần thứ tư đời Tống, tướng A Thuật, Lưu Chính của nhà Nguyên vây quân Tống tại Tương Dương, tri phủ Lữ Văn Hoán cấp báo.

Tạ Phương Bắc bàn rằng: “Làm Tể tướng thì dùng quyền sinh sát để phế hoặc lập người. Làm quan Đài giám thì dùng quyền bài bác mà làm nhục hay tôn vinh người. Làm quan Quốc tử giám dùng quyền khảo hạch để lấy hoặc bỏ người. Ba hạng quan này thuộc về Hiền thánh (Sử)

Niên hiệu Chí Nguyên thứ sáu năm Kỷ Tị, nhằm niên hiệu Hàm Thuần thứ năm đời Tống. Tháng hai, Đế Sư phát Tư - Ba chế văn tự Mông Cổ ban hành khắp thiên hạ. Thường châu của đất Tống, gà mọc cửa trên cánh.

Niên hiệu Chí Nguyên thứ bảy, năm Canh Ngọ, nhằm niên hiệu Hàm Thuần thứ sáu đời Tống, triệu thỉnh Kim Cang Thượng Sư người Chiêm-ba trụ trì chùa Nhân Vương, rộng độ chúng Tăng.

Đế Sư tức Bí Sô Phát- Tư- Ba thuyết Căn Bản Hữu Bộ Xuất Gia Yết-ma Nghi Quỹ, tự soạn lời tựa rằng: Phạm thời vận tốt đẹp của Thiệm-bộ, đến đức Phật thứ tư là Thích-ca văn Như Lai để lại di giáo làm lợi ích quần sinh. Đại Nguyên trị thế, đến đời chủ thứ năm là Hiến Thiên Thuật Đạo Nhân Văn nghĩa Võ Đại Quang Hiếu Hoàng đế lên ngôi. Vua có thiên tư, đầy đủ phước tuệ tin sâu Phật đạo, lại khiến cho vạn quốc quy về một mối. Tuy cùng trời đều quy phục mà phép trị vô phân, thấy Trung Hoa hoằng đạo mà tự thân chẳng hề dừng nghỉ. Muốn cho Phật Phật tương thừa, thầy trò kế tục, đến nay chẳng bỏ chánh giới, nghi quỹ làm người theo hạnh thiện mỗi mỗi luôn giữ gìn, tinh luyện thân tâm, bền giữ bốn oai nghi, đó thật là Thánh hoàng chấn chỉnh giềng mối của Phật pháp... (Thông Tải). Liêm Hi Hiến là người ngay thẳng trong triều, Thế Tổ bảo thọ giới nơi Đế Sư Bát Tư Ba. Hi Hiến liền tâu:

- Thần đã thọ giới của Khổng Tử rồi!

Vua hỏi:

- Khổng Tử của khanh cũng có giới ư?

Hi Hiến tâu:

- Làm bề tôi thì phải trung, làm con thì phải hiếu, đó là giới vậy!

Niên hiệu Chí Nguyên thứ tám, năm Tân Mùi, nhằm niên hiệu

Hàm Thuần thứ bảy, vào tháng mười một mới lập quốc hiệu là Đại Nguyên, theo nghĩa Càn Nguyên trong Kinh Dịch. Đầu tiên theo lời tấu thỉnh của Thái Bảo Lưu Bính Trung mà lập trường học Mông Cổ, ban sắc cho Hứa hành làm Học sĩ. Hành thường cho rằng trong sách không có điều nghi, nhưng xem được thì có nghi, có nghi tức xem được, không nghi mới có công, Hành chỉ dạy người, ắt nhân chỗ sáng để khai mở chỗ tối mà dung nạp các điều thiện; biết lúc động tịnh mà làm rộng lớn nó ra, cẩn thận với mầm mống mà đề phòng nó; mặt trời lặn mặt trăng tà chẳng tự biết mình biến, mặt trời soi mặt trăng chiếu cũng chẳng tự biết mình hóa. Lại làm người học thì sự nghiệp sinh nhai là tiên quyết. Lại nói rằng: Hàng sĩ quân tử thì nên lấy ruộng vườn làm kế sinh nhai.

Niên hiệu Chí Nguyên thứ chín, năm Nhâm Thân, nhằm niên hiệu Hàm Thuần thứ tám đời Tống, thiếu phó Diệp Mộng Đĩnh từ quan trở về đất Tần, nguyện gắng sức, siêng năng, tiết chế sự ham muốn để thu phục nhân tâm, củng cố đất nước. Lại nói: “Liêm sĩ là việc lớn, sinh tử là việc nhỏ”, nên dong thuyền nhỏ thẳng về.

Thiền sư Bàn Cốc hiệu là Lộ Thủy, người ở Hải Diêm. Sư có tướng mạo xấu xí, nhưng chí khí siêu việt, bác lãm kinh sử, thích cảnh đẹp núi sông. Trong khoảng niên hiệu Chí Nguyên (1280-1294) Sư đến các danh sơn thắng cảnh như núi Ngũ Đài, Nga Mi, Phục Ngưu, Thiếu Thất... Từng nói rằng: “Bước chân in dấu nửa đất trời, tài thơ vang khắp cả thế gian”. Bấy giờ phò mã nước Cao Ly là Thẩm Vương nghe danh đức của Sư, nên liền mang thư và lễ vật đến tham kiến. Sư bèn giảng đại ý Kinh Hoa Nghiêm ở chùa Tuệ Nhân đất Hàng, thi triển bốn Vô ngại biện, bầy chúng đều kính phục, còn Vương thì rất vui mừng. Từ đó thanh danh của Sư càng lan rộng.

Sau, Sư đến Tùng quận lập tịnh xá siêng tu tịnh nghiệp. Hàng ngày niệm danh hiệu Phật A-di-đà. Một hôm Sư dự đã đến giờ, không bệnh ngồi yên mà thị tịch, thọ trên bảy mươi tuổi. Sư có để lại tác phẩm Du Sơn Thi Tập ba quyển lưu hành ở đời (Cao Tăng Truyện).

Niên hiệu Chi Nguyên thứ mười, năm Quý Dậu, nhằm niên hiệu Hàm Thuần thứ chín đời Tống; quân Nguyên vây chặt Tương dương đã lâu, đến tháng hai phá thành, đô thống Phạm Thiên Thuận than rằng: “Sống làm bầy tôi nhà Tống, chết làm quỷ đất Tống”, xong tự ả nơi đồn doanh.

Hứa Hành trở về Hoài Mạnh, xa lánh việc đời, thường sống nơi núi rừng, siêng tu sửa bản thân, việc công và tư đã xong, chẳng nghiêm mà chỉnh, trong khuê môn giống như ở triều đình, nhưng vợ chồng đối

xử với nhau như khách, việc tang tế đều y theo phép tắc xưa. Sau ông qua đời ở Hoài Mạnh. (Sử).

Niên hiệu Chí Nguyên thứ mười một, năm Giáp Tuất nhằm niên hiệu Hàm Thuần thứ mười đời Tống. Vào tháng bảy Tống Độ Tông băng hà, thái tử Thiếu Đế mới bốn tuổi lên kế vị. Tháng tám trời tuôn mưa lớn, núi Thiên mục sạt lở, nước dâng làm chết rất nhiều người. Cũng tháng tám năm này Lưu Công qua đời, vua ban tặng hiệu là Nghi Đồng Tam Ti Thái Phó, thụy là Văn Trinh. Chế ghi: Làm tôi thì lấy trung hiếu mà thờ phụng vua, quý ở lòng chân thành dâng hiến; làm vua thì dùng lễ nghĩa để đãi ngộ bầy tôi, nhớ nghĩ dốc lòng yêu thương trọn vẹn. Xem ngày chết giống như khi sống. Quang lộc đại phu thái bảo Lưu Bỉnh Trung tài học vượt trời người, hiểu biết suốt cổ kim. Sâu kín mà ngay thẳng, an tĩnh mà không chuộng vinh hoa. Khi xưa hầu hạ Tiềm Phiên<sup>4</sup> đã được nghe nhiều lời bàn luận cao xa. Vừa đúng ba lần tiếp kiến đã thành khẩn dâng lên một bộ sách có vạn lời. Bởi vì muốn thi thố tài năng an định thiên hạ, để khuyên bậc nhân chủ, lỗi là do nơi sát hại. Trẫm mới kế thừa ngôi vị mà khanh tận lực quá nhiều, hơn nữa khanh rất hợp lòng Trẫm mà Trẫm rõ biết ý khanh. Sự điều có ứng nghiệm, người chẳng thể mời nơi khác, trọn vẹn ba mươi năm chẳng khi nào tránh gian khó, thành khẩn dâng mấy trăm bản tấu, mỗi mỗi đều có nghĩa lý, đều thành các chánh vụ, mới mong sánh với người xưa! Ai cho rằng trời thu chẳng gượng bỏ sót một người già? Kể đến đây, thì đến bao giờ mới quên được? Sống thì xếp vào hàng tam công tể tướng, mất thì có phần mộ lớn, nay dùng chiếu thư ân tứ, ban cho hàm Nhất Phẩm; dùng tang phục thuộc hàng chánh vị, của Tam Hòe (Tam Công), lại ban cho thụy hiệu hầu đáp đền công lao to lớn.

Mong anh linh của khanh chứng biết lòng yêu mến, rầu buồn của Ta!

Nay ban tặng thái phó, thụy hiệu Văn Trinh (Thông Tải). Lưu Công Văn Trinh húy Bỉnh Trung, tự Trọng Hối người ở thôn Lưu Lý, Thụy châu, lễ cầu Thiên sư Hư Chiếu ở Thiên Ninh cạo tóc làm Tăng. Sau đến Vân Trung trụ ở chùa Nam Đường. Cùng với Thiên sư Hải Vân hướng về Bắc, tham kiến Thế Tổ ở tư dinh; vừa diện kiến ứng đáp đã hợp ý vua. Từ đó từng nhân sự hỏi han mà dâng một bộ sách gồm vài mươi điều, hơn vạn lời, tất cả đều là việc của bậc Tôn chủ và nhân dân, Thế Tổ lãnh thọ. Từng theo Thế Tổ chinh phạt, dùng phương tiện

1. Tiềm Phiên: Còn là một vị Vương chưa lên ngôi Hoàng đế.

cứu sống rất nhiều người, đến khi Thế Tổ lên ngôi thì từ việc ấn định triều nghi, lập quan chế, cải quốc hiệu, niên hiệu, cho đến tất cả việc cần làm, thích hợp thời vật đều do ông chế định. Ông sống thanh bản, ăn uống đạm bạc, suốt ngày lặng lẽ. Ngày Nhâm Tuất, tháng tám năm Mậu Tuất ông ngồi yên qua đời thọ năm mươi chín tuổi. Từ nhỏ ông đã ham học, đến tuổi già vẫn chẳng phế bỏ. Tuy làm một vị Đại thần cao trọng mà chẳng khác người bình thường. Vua thường nói với các quan hầu cận rằng: “Bĩnh Trung theo Trẫm ba mươi năm, lúc nào cũng cẩn mật”. Ông rất giỏi về thuật số âm dương, chiêm đoán sự vật mà biết vị lai, rất khế hợp.

Vua sai Sử Thiên Trạch, Bá Nhan thống lãnh binh mã Nam chinh, vua triệu đến ban dụ rằng: Từ xưa, người giỏi giữ Giang Nam chỉ có một mình Tào Sâm mà thôi! Các khanh chẳng nên giết Tào Sâm này của ta!

Sử Thiên Trạch người Chân Định, thân cao tám thước, giọng nói như tiếng hồng chung, giỏi cưỡi ngựa bắn tên, làm võ tướng, văn thần trong năm mươi năm, là trụ cột của bốn triều, là gương sáng cho trăm vua noi theo, là nguyên thần khai quốc. Người đời so sánh ông như Quách Tử Nghi, Tào Sâm. Ông mất năm bảy mươi chín tuổi, thụy hiệu là Trung võ.

Niên hiệu Chí Nguyên thứ mười hai, năm Ất Hợi nhằm niên hiệu Đức Hựu nguyên niên. Tống Cung Tông đổi niên hiệu là Đức Hựu, tại vị được hai năm, bị quân Nguyên bắt dẫn lên phía Bắc và chết ở sa mạc.

Quan Đề hình Giang Tây là Văn Thiên Tường khởi binh cần vương, bạn bè can ngăn, Thiên Tường bèn nói: “Quốc gia dưỡng dục thần dân hơn ba trăm năm, nay bỗng nhiên nguy cấp, trưng dụng binh trong thiên hạ mà chẳng có một người một ngựa đến, ta rất hận điều này! Ta chẳng tự lượng sức mình, muốn dùng thân tuấn tiết, ngõ hầu trung thần, nghĩa sĩ trong thiên hạ nghe được mà khởi binh. Khởi nghĩa thắng thì mưu lập chúa, người tụ đông thì sức thêm mạnh, như thế mới mong bảo tồn xã tắc”.

Văn Thiên Tường tánh tình hào hoa, lo cung dưỡng tự thân rất kỹ, đến khi đau khổ vì mất nước thì tự ức chế, hiến hết gia tài cho quân đội. Thường cùng với bạn đồng liêu luận bàn đến thời sự, có lúc vỗ bàn khóc mà nói rằng: “Vui cùng với niềm vui của người, lo cùng với nỗi lo của người, ăn thì ăn thức ăn của người, chết vì việc của người”. Ai nghe đến cũng đều cảm động.

Quan Đê hình Hồ Nam là Lý Phát sai ba ngàn tráng sĩ cứu viện, khiến võ tướng chỉ huy để cần vương. Về sau được ban thụy là Trung Tiết.

Có Hành nhân là Hác Kinh đi sứ sang Tống bị lưu giữ mười sáu năm, chuyên soạn tập các sách vở, sau trở về đất Yên thì qua đời, được ban thụy hiệu là Văn Trung. Vua Tống ban chiếu cho Trương Thế Kiệt làm Tổng đốc quân đội. Sau cùng với Lục Tú Phu, Trần Nghị Trung vì cứu quốc mà bị nạn chết chìm trong biển.

Vào năm này trên trời có hai ngôi sao chạm nhau, một sao rơi rụng. Ngày mồng một tháng sáu có nhật thực, ban ngày mà trời tối như ban đêm.

Niên hiệu Chí Nguyên thứ mười ba, năm Bính Tý nhằm niên hiệu Đức Hựu thứ hai. Tháng năm Tống Đoan Tông lên ngôi cải niên hiệu là Đức Viêm. Sau đi thuyền bị chìm, băng hà ở Cương châu, Lĩnh Nam.

Đến tháng hai, trong mặt trời có hiện một vết đen lớn như trứng gà rất lâu mới tan.

Thừa tướng Văn Thiên Tường thường nói: “Nước mất thì mất cả tâm của nam tử này!” Quân Nguyên bắt Thiên Tường dẫn về đất Bắc, sông Tiền Đường ba ngày mà thủy triều chẳng dâng, quân Nguyên phân ra đóng binh trên bờ sông. Người Hàng châu cầu khẩn mà triều vẫn chẳng dâng.

Tháng ba tướng Nguyên là Bá Nhan vào Lâm An, gióng trống dựng cờ Đại tướng, bắt vua Tống và hoàng hậu cùng bá quan dẫn về Kinh triều kiến Nguyên đế.

Đào Xu là người nhân từ, khoan dung, cung kính, chưa từng khinh miệt người. Bấy giờ làm đến chức Hàn lâm học sĩ. Khi các quan lại và sĩ tử đi theo Tống đến về Thượng đô, Thế Tổ giao cho Xu xét theo học và hạnh của họ mà ban cho quan tước.

Niên hiệu Chí Nguyên thứ mười bốn, năm Đinh Sửu nhằm niên hiệu Cảnh Viêm thứ hai đời Tống; phong Tống chủ làm Huy quốc công, dời đến Tư Ma lộ học tập Phạm thư, và kinh tiếng Tây phiên, còn Hoàng hậu Toàn thì cho làm ni ở chùa Chánh Trí.

Lập chùa Đại Thánh Vạn An.

Liên Hi Hiến làm quan đến chức Bình chương, Bá Nhan khen ông ấy là bậc chân Tể tướng trong hàng Tể tướng, chân nam tử trong hàng nam tử. Người đời thường tôn ông như thế cho đến khi qua đời.

Niên hiệu Chí Nguyên thứ mười lăm năm Mậu Dần, nhằm niên hiệu Tường Hưng Nguyên niên. Đế Bình lên nối ngôi nhà Tống cải

niên hiệu Tương Hưng, tại vị 2 năm. Sau theo đường biển đến Nhai sơn. Trương Thiên Kiệt đánh nhau với quân Nguyên, bị bại trận, cùng với Lục Tú phu nhảy xuống biển tự vẫn.

Sáng sớm mồng một tháng giêng lập đại hội trai tăng, đại xá thiên hạ, năm người như Ngọc Tuyền... được ân tứ cho độ làm Tăng.

Năm này có ngôi sao lớn từ phương Nam băng qua và rơi vào trong biển, có hơn một ngàn sao nhỏ rơi theo, phát ra âm thanh như sấm, mấy khắc mới ngưng.

Niên hiệu Chí Nguyên thứ mười sáu, năm Kỷ Mão. Tháng hai nhà Tống mất. Tính từ Tống Thái Tổ đến Đế Bình tổng cộng là ba trăm hai mươi năm.

Văn Văn Sơn người Cô Tô, húy là Thiên Tường đỗ trạng nguyên đời Tống làm quan đến chức Thừa tướng, phong tước Tín Quốc Công. Ông là người trung hiếu, tiết nghĩa. Bị bắt, Thiên Tường nhìn cảnh Nhai sơn cảm tác những bài thơ bi ảo (chẳng ghi).

Lại ca rằng:

*Gió thổi mạnh lên chừ, Ôi! Biển nổi sóng,  
Vấn võ hết rồi chừ, Ôi! Vận nước suy,  
Ứng quạ tranh nhau chừ, Ôi! Chẳng chỗ làm,  
Hồng hộc muốn bay chừ, Ôi! Đâu thể về,  
Ngâm ca trên dòng chừ, Ôi! Mắc thuyền trôi,  
Chỉ ôm năm tháng chừ, Ôi! Ta nào biết.*

Chánh Khí Ca:

*Trời đất có chánh khí  
Lẫn lộn ở trong hình.*

Cuối cùng lại ghi:

*Xem kia vẫn rực sáng  
Ngửa nhìn mây trắng trôi  
Lòng ta buồn dằng dặc  
Trời xanh thật vô cùng  
Hiền triết ngày càng xa  
Phép tắc chôn quá khứ  
Bên màn mở sách xem  
Đạo xưa bừng trước mặt.*

Linh Đinh Dương Thi:

*Tân khổ tao phùng khổ một phen  
Can qua chẳng dứt khắp bốn bên  
Sơn hà tan nát như đập sợi*

Thân thể bỗng bênh giống bọt bèo  
 Đầu sông kinh sợ luận kinh sợ  
 Trên biển lênh đênh nói lênh đênh  
 Người đời xưa nay ai chẳng chết  
 Chỉ tức lòng son lưu sử xanh  
 Vượt Kim lăng ly cung nhà cỏ  
 Ánh nắng chiều tà đã chuyển dần  
 Mây trôi phiêu bạt ghé về đâu  
 Sơn hà phong cảnh nào có khác  
 Thành quách nhân dân nửa đã tan.  
 Đầy đất hoa lau và già lão  
 Nhà xưa chim én, chiếc nào bay  
 Từ nay cách biệt Giang Nam cảnh  
 Hóa làm quyền hót ngậm máu về.

Trước lúc bị chém, nét mặt vẫn ung dung nói với ngục tốt rằng:  
 Việc làm của ta đã xong. Rồi hướng về Nam lễ bái mà chịu chết, thọ  
 bốn mươi bảy tuổi. Sau đó lục trong giải áo có bài viết rằng:

*Khổng Tử nói thành nhân  
 Mạnh Tử dạy tập nghĩa.*

Nay nghĩa đã tận, nhân đã đến, vậy đọc sách Thánh hiền thì nên  
 học tập điều gì, để từ nay và mai sau không hổ thẹn!”

Bình sinh ông làm văn thơ chưa từng khởi thảo trước, mà hạ bút  
 viết ngay. Ông có để lại Chỉ Nam Tập, Ngâm Tiêu Tập, Tập Đỗ Thi  
 hơn một trăm bài lưu hành ở thế gian. Ông từng lập ra Ty Thiên đài ở  
 Đại Kinh, lập An Lạc đường để chữa trị người bệnh, cứu giúp kẻ đói,  
 chôn cất người chết.

Tháng sáu, niên hiệu Chí Nguyên thứ mười bảy, năm Canh Thìn,  
 lịch mới đã soạn thành, vua đặt tên là Thọ Thời, năm sau mới ban hành  
 trong thiên hạ.

Vua sai sứ đi đến cùng nguồn Hoàng hà, từ biển Tinh Tú đến núi  
 Côn Lôn, mới rõ ràng biết được đất ấy.

Đậu Mặc là người vui hòa bình dị, suốt đời chưa từng nói một lời  
 trái người, làm quan đến chức Học sĩ, cho đến khi qua đời, được ban  
 thụy hiệu là Văn Chánh.

Vua bảo Thái tử Chân Kim rằng: Bá Nhan văn võ song toàn, người  
 chớ nên đãi ngộ như người bình thường.

Hứa Hành lúc lâm chung bảo với con rằng: “Suốt đời ta bị hư danh  
 trói buộc, chẳng thể từ quan”. Năm ấy Hứa Hành qua đời, thụy hiệu là

Văn Chánh.

**Đế Sư viên tịch:** Đại sư Phát tư ba là Đế Sư của Đại Nguyên, ngày hai mươi hai tháng mười một năm này Sư thi tịch thọ bốn mươi hai tuổi. Vua nghe tin không ngăn được lòng thương tiếc, để ghi nhớ một bậc đức cao trọng vọng, vua sai xây một ngôi tháp lớn ở Đế Kinh thờ xá-lợi châu thân, ngọc vàng rực rỡ không gì sánh bằng. Học sĩ Vương Bàn phụng chiếu ghi chép hành trạng của Sư rằng:

Hoàng Thiên Chi Hạ, Nhất Nhân Chi Thượng, khai giáo Tuyên Văn phụ trị Đại Thánh Chí Đức Phổ Giác Chân Trí Dụ Quốc Như Ý Đại Bảo Pháp Vương, Tây Phương Phật Tử, Đại Nguyên Đế Sư, Ban Di Đát Phát Tư Phát Đế Sư, Người nước Thổ Ba. Những điềm linh ứng lúc sinh thời chép đầy đủ rõ ràng nơi gia phủ.

Đầu tiên Sư lễ người bác là Tát-sư-ca-ba làm thầy, học bí mật già đà đến một, hai ngàn lời, vừa đọc qua thì liền thuộc lòng. Bảy tuổi đã diễn nói Phật pháp, biện tài thông suốt, nhưng sư chưa lấy làm đủ, nên tham học khắp các bậc danh túc, thấu suốt được ý nghĩa u huyền ẩn mật, lâu thông cả ba tạng kinh điển. Năm mười lăm tuổi, thấy Thế Tổ Hoàng đế long đức tiềm ẩn, Sư biết được chân mạng có chỗ về, nên thẳng đến Vương phủ. Thế tổ, các quan và Đông cung đều thọ giới pháp nơi Sư, nên lại càng thêm kính lễ. Lúc Sư hai mươi tuổi, thì Phật và Đạo đánh chính lại bộ Hóa Hồ kinh, Hoàng đế Hiến Tông ban chiếu thỉnh Sư phân tích lẽ đúng sai, Đạo giáo chẳng thể ứng đáp được nên tự bỏ sở học của mình. Vua rất vui lòng. Năm Sư hai mươi hai tuổi, Thế Tổ lên ngôi, đặt niên hiệu Trung Thống, tôn Sư làm Quốc sư, trao cho ấn ngọc, làm Pháp Chủ Trung Nguyên thống lãnh giáo môn trong thiên hạ.

Sư từ già vua trở về Tây, chưa được mấy tháng đã triệu hồi. Năm Sư ba mươi một tuổi nhằm niên hiệu Chí Nguyên thứ bảy, vua ban chiếu thỉnh Sư lập văn tự cho Đại Nguyên, Sư một mình vận dụng, mô phỏng, vẽ viết tạo thành, hợp ý mình, vua liền ban hành khắp nơi, từ hoàng triều, châu phủ, quận huyện đều tuân dùng, trở thành điển chương của một thời đại. Vua sắc phong làm Đế Sư lại ban cho ấn ngọc, thống lãnh Thích môn toàn quốc, Sư lại trở về Tây, đến niên hiệu Chí Nguyên, vua sai chuyên sứ triệu Sư về kinh, vương công, tể tướng, sĩ dân lia thành ba mươi dặm lập Đại hương án, thiết Đại tịnh cúng để bái nghinh Sư. Vạn người chiêm lễ Sư như một vị Phật xuất thế. Sư cũng đã vì thái tử Chân Kim soạn luận Chương Sở Tri gồm năm thiên được nhập tạng lưu hành ở thế gian.

Luận Chương Sở Thi do Đế Sư thuyết cho Thái tử nghe, Phật Trí

Thiền sư Sa-la-ba dịch. Phẩm thứ nhất là phẩm Khí Thế Gian, luận đầy đủ về đại địa, phong, thủy, hỏa luân, núi Diệu cao, Thất kim sơn, Tứ châu, Luân vi, Nhật luân, Nguyệt luân, Tinh tú cung, Tam giới, chư Thiên; kế đến là phẩm Tình Thế Giới nói về địa ngục, ngạ quỷ, bàng sinh, nhân đạo, Tu-la, Thiên đạo, Y kiếp thành trụ hoại không, tướng trước sau và các việc về phổ hệ của Đức Phật Thích-ca, các đời Luân vương... Sau cùng nói về ba phẩm Đạo, Quả, và Vô vi.

Tháng mười niên hiệu Chí Nguyên thứ mười tám năm Tân Ty, vua hạ chiếu cho tăng, Đạo luận biện, cả hai đều phụng Thánh chỉ... trừ đạo Đức Kinh là kinh chân thật của Lão Tử, còn các kinh khác là do người đời sau soạn ra, vua sai quan đốt tất cả.

Niên hiệu Chí Nguyên thứ mười chín năm Nhâm Ngọ, Xử sĩ Lưu Nhân là người có thiên tư hơn người, một ngày nhớ được trăm ngàn lời, đọc qua liền thuộc, thích câu nói: “Tĩnh để tu thân”, của Khổng Minh Gia Cát Lượng, nên có tám biển đề: “Tĩnh Tu”. Vua muốn cho làm quan thế thiên, nhưng ông không nhận.

Niên hiệu Chí Nguyên thứ hai mươi, tức năm Quý Mùi. Ngày mồng sáu tháng một niên hiệu Chí Nguyên thứ hai mươi một đại xá thiên hạ, đồng thời giảm nhẹ hình phạt, năm Ất Dậu, niên hiệu Chí Nguyên thứ hai mươi hai, vua ban Thánh chỉ thiêu hủy tất cả các Đạo Tạng Kinh ngụy tạo ở các lộ, kể cả ghi chép trên đá và bi ký. Thánh chỉ ra lệnh cấm các ngụy kinh trong Đạo tạng liệt kê sau đây: kinh Hóa Hồ, kinh Du Long, kinh Thánh Kỹ, kinh Tây Thăng, kinh Xuất Tái, kinh Minh Châu Biện Ngụy, kinh Cửu Thiên, kinh Xích Thư, kinh Thượng Thanh, kinh Nam Đẩu, kinh Ngọc Vĩ, kinh Thập Nhị Hư Vô, Kỹ Thắng Phú, luận Biện Tiên, luận Hột Tà, luận Tam Pháp, Thái Thượng Thật Lục, Thanh Dương Quan Ký, Huyền Cửu Nội Truyện, Đế Vương Sư Lục, Tam Thiên Liệt Ký, luận Thập Dị Cửu Mê, Lịch Đại Ứng Hiệu Đồ, luận Phật Đạo Tiên Hậu, luận Khâm Đạo Minh Chứng, luận Phụ Chánh Trừ Tà, luận Báng Đạo Thích, luận Thập Sơn, luận Tị Tà Quy Chánh, kinh Tạng Thiên Ấn Nguyệt, kinh Xích Hoạch Độ Mệnh, Lịch Đại Đế Vương Sùng Đạo Ký, Tam Giáo Căn Nguyên Đồ, Hồn Nguyên Sinh Tam Thanh Kinh, Hồn Nguyên Thật Lục, kinh Linh Bảo Tứ Thập Nhị Sinh, Cao Thượng Nội Truyện, Lâu Quán Tiên Sinh Nội Truyện, kinh Ngũ Công Vấn Hư Vô. Phàm thấy các kinh này thì tịch thâu.

Thánh chỉ ban chiếu xuống chùa Đại Mẫn Trung ở Đại đô thiêu đốt ngụy kinh trong Đạo Tạng, lại sắc cho Lâm Tuyên Trưởng Lão ở Báo Ân Thiền Tự châm lửa. Trưởng Lão tạ ân xong, niêm hương bạch

rằng:

*Phật tâm Thiên tử xót chúng sinh  
Sợ đọa ba đường lạc tà khanh  
Trong riêng rõ ràng không thiên lệch  
Nơi chung danh lợi khéo phân minh.*

Vì thế nói: Bậc Thánh soi xét vô tư, máy trời khó biết, đã đến khen ngợi công đức, thì dám chẳng báo ân ư? Vì thế một nén hương này chính là để chúc tụng đương kim Hoàng đế: Cúi mong Kim luân và Pháp luân đồng chuyển, phước vượt ba kỳ; Thuần nhật và Phật nhật cùng soi, thọ muôn ức kiếp.

Kế đó Trưởng lão đưa cây lửa lên và nói: Nhớ khi xưa vào thời Minh Đế, cũng vào năm này, đã từng nhờ vào lửa đỏ mà phân biệt tốt xấu, nay Thiên tử Đại nguyên lại tiếp nối phép tắc lớn ấy để hiển chánh phá tà, ai chẳng biết?...

Xong Trưởng lão cầm ngọn đuốc vẽ một vòng tròn trong hư không mà nói rằng: Đây các nhân giả! Như Linh văn (Đạo Kinh) của ba động, lại có thể chứng được hỏa quang Tam-muội này chăng? Nếu như ngay nơi đây chứng đắc, thì nhà có kinh Bắc Đẩu, miệng của kẻ tà giáo này chẳng an định. Như chẳng được như thế, sau khi tro bay khói hết mặc tình đi khắp nơi mà kiếm Thiên Tôn. Hãy mau mở mắt xem Lâm Tuyền Trưởng Lão Tùng Mai Phụng sắc châm lửa! (Thông Tải)

Đối với Đạo sĩ thì giữ mười bảy Luận sư có đức để đối luận là: Tùng Siêu ở chùa Viên Phước, Đức Hưởng ở chùa Phụng Phước, Tùng Luân ở Dực Sư viện, Viên Dẫn ở chùa Pháp Bảo, Chí Ôn ở chùa Tư Thánh, Minh Tân ở Đại Danh phủ, Bản Liễn ở Cam Tuyền sơn, Đạo Vân ở chùa Thượng Phương, Tường Mai ở chùa Khai Giác, Liễu Tuần ở chùa Truyền Giáo, Khánh Quy ở chùa Pháp Hoa, Hành Dục ở huyện Long Môn, Đạo Thọ ở chùa Diên Thọ, Tương Duệ ở chùa Ngưỡng Sơn, Thiện Lãng ở chùa Tư Phước, Tổ Khuê ở Vĩ châu và Nguyên Nhất ở Thục Xuyên.

Vào niên hiệu Chí Nguyên thứ hai mươi ba năm Bính Tuất, trụ trì Vân Phong Thiên Tự ở núi Đạo Giả, Đại đô là Như Ý Tướng Mai Trưởng Lão phụng chiếu soạn Biện Ngụy Lục năm quyển.

Biện Ngụy Lục gồm các chương: Vọng Lập Thiên Tôn Ngụy, Sáng lập Kiếp Vận Niên Hiệu Ngụy, Khai Phân Tam Giới Ngụy, Tỳ Đại Vi Đế Vương Sư Ngụy, Lão Tử Xuất Linh Bảo Tam Động Ngụy, Du Hóa Cửu Thiên Ngụy, Thâu Phật Kinh Giáo Ngụy, Lão Quân Kết Khí Thành Tự Ngụy, Châu Văn Vương Thời Vị Trụ Hạ Sử Ngụy, Tiền

Hậu Quân Giảng Sinh Bất Đồng Ngụy, Tam Phiên Tác Phật Ngụy, Mạo Danh Tiếm Thánh Ngụy, Hợp Khí Vi Đạo Ngụy, Thâu Phật Thần Hóa Ngụy. Biện Thuyết Uyên Bác, tất cả đều được ghi chép đầy đủ trong Thông Tải.

Như Ý Thiên sư húy là Tường Mại, lâu thông nội ngoại điển, thấu suốt giáo lý sâu xa, trụ trì một ngôi chùa lớn ở kinh đô, phụng chiếu soạn Biện Ngụy Lục năm quyển, chế phục thích đáng, Sư còn soạn Hoàng Truyện Tự Chú ghi trong pháp Hoa Yếu Giải.

Niên hiệu Chí Nguyên hai mươi bốn tức năm Đinh Hợi.

Ngày hai mươi một tháng giêng niên hiệu Chí Nguyên hai mươi lăm, năm Mậu Tý đại xá thiên hạ.

Hòa thượng Vân Phong trụ trì ở Kính Sơn. Đầu tiên Đô tổng thống Thích giáo vùng Giang Hoài là Dương Liễu Châu Ca vân tập chư Tăng thiên giáo Giang Nam về kinh, vào cung đối trước vua mà luận về Thiên. Đầu tiên vua tuyên triệu hỏi vị Tăng chùa Thượng Thiên Trúc:

Giảng kinh gì?

Đáp:

Giảng kinh Pháp Hoa.

Kế đến hỏi Tăng chùa Tiên Lâm giảng kinh gì?

Đáp:

Luận Bách Pháp.

Sau đó hỏi Sư rằng: Thiên lấy gì làm tông?

Sư đáp:

Thiên là tịnh trí diệu viên, thể vốn không tịch, Kiến văn giác tri chẳng thể biết, suy lường phân biệt chẳng thể hay... (sẽ ghi đủ đoạn sau). Lại nói: Thiên và giáo vốn một thể, thiên là tâm Phật, giáo là lời Phật. Nhờ lời Phật mà thấy được tâm Phật. Thí như trăm sông tuy khác dòng mà đồng tuôn về biển lớn. Đã vào biển thì đồng một vị...

Tạ ân vua ban cho trai soạn.

Thiên sư Cát Tường là Sa-môn ở chùa Phổ Chiếu, hiệu là Phổ Hỷ, Cát Tường, người Sơn Đông. Sư nghiên cứu sâu xa Tướng Tông của Từ Ân, học tập các bộ Duy Thức, Du-già Sư Địa, Nhân Minh. Vào năm này Thế Tổ lập trường giảng ở Giang Hoài, Phổ Chiếu đứng đầu, còn thỉnh Sư làm chủ giảng. Hằng ngày, ngoài lúc thăng tòa, Sư thường tụng kinh Hoa Nghiêm, lấy hạn định mười quyển làm thường khoa. Sau Sư viên tịch, hỏa thiêu thâu được rất nhiều xá-lợi, xây tháp thờ kinh khẩu (Đơn Đò). Nhân dân ở vùng Trấn giang phần nhiều có vẽ hình sư để tôn thờ, và tôn Sư là Cát Tường Cổ Phật.

Ngọc Cương Pháp sư tức Sa-môn Mông Nhuận trụ chùa Hạ Thiên Trúc, hiệu Ngọc Cương; Sư người ở Hải Diêm, là cháu ngoại của Pháp sư Thánh ở Cổ Nguyên, là cao đồ của Pháp sư Truyền ở Trúc Đường. Lúc sinh ra Sư, người mẹ đã cảm thấy điềm mộng linh dị. Khi sư Lễ tượng đất thần Già-lam, thì các tượng đều ngã đổ. Sư tu Quán Âm Sám thì tâm bệnh thuyên giảm, giảng kinh Pháp Hoa thì cảm những kẻ bán thịt cá đổi nghề. Sư đến phong Hoàng Lĩnh cất am tranh chuyên tinh niệm Phật và tu Pháp Hoa, Kim Quang Minh, Đại Bi, Tịnh Độ, Định bốn mươi chín ngày làm kỳ hạn nhiều nhất. Sau dạy đệ tử pháp chỉ quán an tâm, niệm Phật mà thị tịch.

Tháng Giêng năm Kỷ Sửu, niên hiệu Chí Nguyên thứ hai mươi sáu, ghi chép tính toán số hộ trong thiên hạ.

Ngày chín tháng chín mùa thu năm Canh Dần, Chí Nguyên n thứ hai mươi bảy, vua ban chiếu đại xá thiên hạ.

Tạ Diệp Sơn Phương Đắc tánh nghiêm nghị, nho nhã, khí phách cao tuyệt, lấy việc truyền thế giáo, lập phép dân làm trách nhiệm. Ông làm quan đến chức Chiêu Dụ Sử. Khi nhà Tống mất, ông hành nghề bói toán để ẩn lánh. Bấy giờ nhà Nguyên trưng dụng các cự thần, Sư quyết từ chối và nói rằng: “Đại Nguyên trị thế, dân sinh ngày một đổi mới, cô thần triều Tống chỉ nhất quyết chết mà thôi. Sở dĩ chưa chết, vì còn mẹ già chín mươi ba tuổi”. Sau đến đất Yên nhịn ăn sắp đi có bạn là Trương Tử Tuệ đọc thơ rằng: “Đi thì rất tốt nếu nhờ vào ba tác lười mà trở lại, thì chẳng giá trị bằng nửa văn tiền”. Lăng Đắc hiểu được ý nghĩa lời thơ này, liền chết ở đất Dịch.

Bình Sinh không có sách gì mà chẳng đọc, văn chương trác tuyệt, tự lập thành một phái. Đọc lời văn của ông thì thấy được tâm ông, khẳng khái, mạnh mẽ có thể làm cho những kẻ tham lam, hèn yếu lập chí.

Ông có soạn Văn Chương Quỷ Phạm lưu hành.

Vương Văn Trung Công tên là Vương Bân, tự là Văn Bính, người Quảng Đông, gia đình theo nông nghiệp, hằng năm thu hoạch cả vạn thạch lúa, nên có hiệu là Vạn Thạch Vương Gia. Ông dốc sức nghiên cứu sưu tập kinh sử của bách gia, văn chương lâu thông, phóng khoáng, người đến học tập nơi ông đến vài trăm. Ông dâng sớ tâu rằng: “Cửa quan của Thiên tử chẳng nên vào, nhưng đã vào thì gọi là lén vào, từ cửa thứ nhất đến cửa thứ hai khinh trọng có sai biệt”. Ông làm quan đến Hàn lâm học sĩ cho đến khi qua đời, thọ chín mươi ba tuổi. Vua tặng hiệu là Thái Phó Quốc Công, thụy là Văn Trung. Năm Tân Mão, niên hiệu Chí Nguyên hai mươi tám, động đất ở Bình Dương phá hủy nhiều

nhà cửa của nhân dân, gồm một vạn tám trăm hai mươi sáu khu, chôn vùi một trăm năm mươi người.

Toàn thái hậu làm Ni, Luy Quốc công làm Tăng, được cấp ba trăm sáu mươi khoảnh, miễn đóng thuế.

Năm Nhâm Thìn, Niên hiệu Chí Nguyên hai mươi chín, Dương Cung Hy phụng sự triều Nguyên. Lúc đầu ông và Hứa Hành đều được triệu dùng nhưng không chịu. Sau Thái tử Chân Kim bảo Hữu ty theo việc nhà Hán lễ mời Tứ Kiểu ngày xưa để mời ông, ông bèn nhận lời, lo việc khảo chánh lịch pháp. Vua phong cho chức Tập Hiền Học sĩ cho đến khi qua đời.

Niên hiệu Chí Nguyên thứ ba mươi, năm Quý Ty. Lưu Văn Tĩnh tánh cẩn trọng, không thích giao lưu, nên ẩn cư, chỉ dạy đạo làm thầy rất tôn nghiêm. Ông mất năm bốn mươi lăm tuổi. Được tặng hiệu là Học sĩ, thụy là Văn Tĩnh. Ông có soạn Tứ Thư Tinh Yếu Thi Tập năm quyển. Hoàng Tôn Thiết Mộc Nhĩ Tổng Binh phía Bắc Triệu Bá Nhan đến Đại Đồng, trước khi đi Mộc Nhĩ rót rượu tiễn và hỏi rằng: Ngài đi có lời gì chỉ dạy tôi chăng? Bá Nhan nâng chén rượu và nói rằng: “Việc cần phải thận trọng thì chỉ có cái này và nữ sắc!”

Vân Phong thị tịch: Thiền sư Vân Phong thuộc đời bốn mươi ba tại Kính Sơn, Hàng châu, húy Diệu Cao, người Trường Khê, Cú chi. Đầu tiên Sư lễ cầu Vân Mộng Trạch Công thọ giới Cụ túc, tham học nơi Thiền sư Tuyệt Xung, kế đến tham kiến ngài Vô Chuẩn ở Kính Sơn, rồi tham kiến Yển Khê ở chùa Dục Vương, được chọn làm đệ tử thân cận, quản lý Tạng kinh. Một hôm Yển Khê nói rằng:

- Ví như con bò chui qua cửa sổ, đầu sừng và bốn chân đều qua được, ngật chỉ còn cái đuôi là kẹt lại không qua được.

Sư nghe câu này bỗng nhiên tỉnh ngộ, đáp rằng:

- Cá kình hút hết nước biển, lộ ra một cảnh san hô.

Yển Khê hứa Khả. Sư đến chùa Đại Lô ở Nam Hưng hoàng hóa, lại dời đến chùa Khuyển Trung ở Giang Âm và chùa Hà Sơn ở Tuyết Xuyên, Tăng chúng khắp nơi đến tham học rất đông. Vua lại ban sắc Sư đến Tưởng Sơn, đến năm Canh Thìn niên hiệu Chí Nguyên lại dời đến Kính Sơn, hai lần gặp lửa thiêu, gian khổ trùng hưng, sau theo lệnh vua về kinh đối trước Hoàng đế luận thiền. Hoàng đế rất vui mừng ban cho thức ăn và phòng xá. Vào mồng một tháng sáu năm này Sư tập chúng vào thời Tiểu tham chỉ dạy, đến ngày mười bảy sau khi thuyết kệ xong thì thị tịch, thọ bảy mươi lăm tuổi, năm mươi chín hạ lạc, tháp lập ở Cư đảng am phía Tây của chùa.

Nước Hồi Hồi Bội dâng hiến một hạt châu lớn, định giá khoảng vài vạn đỉnh tiền. Vua nói rằng: “Châu báu mà làm gì? Nên giữ tiền này để chu cấp cho dân nghèo”.

Tháng mười sao chổi xuất hiện, nhập vào “Tử Vi Viên” đến chòm Đẩu khô (gồm các sao xu, tuyền, cơ, quyền trong Bắc Đẩu), các tia sáng kéo dài hơn một thước, trong một tháng sao mới tắt.

Ngày Nhâm Tý mồng một tháng giêng mùa Xuân năm Giáp Ngọ, niên hiệu Chí Nguyên ba mươi mốt. Hoàng đế bất an, không lâm triều, đến ngày Quý Dậu thì băng hà, hiệu là Thế Tổ Thánh Đức Thần Công Văn Võ Hoàng Đế.

Khi Thế Tổ chưa lên ngôi đã từng xuất chinh đến Tây quốc, lấy đức hiếu sinh làm trách nhiệm, trên đường mê may gặp được Tăng, mở đường thọ ký. Do đó mới làm thiên hạ xán lạng, thống nhiếp vạn bang, hoàng dương Mật thừa, xương minh Tam bảo. Vua thỉnh tượng quý Chiên-đàn vào nội cung, an trí nơi điện Nhân Trí ở Vạn Tuế sơn, là một báu vật của hiện đời, lại xây dựng Đại Thánh Thọ Vạn An tự để phụng thờ, hầu làm cho tất cả mọi người được chiêm lễ.

Tháp Định Quang Phật bỗng nhiên phóng ánh sáng, vua sai mở tháp, thì thấy bên trong có xá-lợi chiếu sáng lóa mắt người. Do đó trùng tu tháp này, lại sai người chép tạng kinh bằng chữ nhũ vàng, định vẽ đồ tượng ở ngoài trục, nhưng chưa vẽ thì vua nói rằng:

- Kinh này là do Thích-ca Như Lai tuyên thuyết, thì chỉ nên vẽ bậc chủ thuyết kinh, hầu khiến cho người xem, đọc biết có nguyên nhân.

Vua ban chiếu khắp thiên hạ mỗi năm nên thực hành bố thí, độ tăng, tụng đọc Đại tạng kinh. Tùy nơi hoặc phóng ánh sáng hoặc hiện điềm lành không đồng. Vua ban chiếu cho Đại đức giảng kinh Hoa Nghiêm vào Đại Tự ở kinh thành thuyết giảng để hiểu rõ sự tôn quý của Như Lai. Vua lại lập đại hội Thất xứ, phóng ánh sáng hiển thị huyền chỉ Thất xứ (bảy nơi) của kinh Hoa Nghiêm. Vua lại dùng nhũ bằng vàng sắc cho Tăng Nhu chép Đại Tạng kinh cất giữ trong hòm bảy báu, mong lưu truyền ở vạn thế. Vua cũng dùng khối gỗ chiên-đàn lớn hơn trượng vuông trấn giữ kho của triều Tống để khắc tạo tượng Phật, làm lợi ích cho trời người, ban cho các vị tăng giảng kinh ca-sa màu đỏ để cho người thuyết pháp không khác Phật. Hằng ngày vua niệm Phật, lần chuỗi, tụng theo thời khóa, và tự hành thí thực.

Vua ban chiếu cho Đại sư Đông Xương giảng thuyết cho mình nghe. Vua rất hoan hỷ ban cho gậy ngọc quý. Vua cũng ban ngọc âm chiếu cho giảng chủ Hạo Thiên rằng: “Nhân Trầm còn tại thế nên

khuyên bảo người học cần phải nghiên cứu sáng tỏ Phật pháp, không được để đoạn tuyệt”. Vua lại bảo Dật Lâm Thượng sư dịch Dục Sư Đàn Pháp Nghi Quỹ, để giúp cho thiên hạ tiêu trừ tám khổ, tăng thọ vô lượng; vua lập hội Thập Vạn Tăng, sắc cho mười vị Tăng thuyết pháp trước vua, sau ban cho mười đỉnh bạch kim, mười gậy ngọc. Lại hạ chiếu thỉnh mười vị cao tăng vào cung cúng dường, vua ngồi im chắng động, các Đại đức cũng im lặng. Vua bèn nói: “Đây là công đức chân thật!”

Vua lại ban chiếu mời các cao Tăng trùng đính Đại Tạng, phân thành Đại Tiểu thừa, lại đề tên hiệu, ban khắp trong thiên hạ, lại bảo các Đại đức ở các tự viện, hiệu đính bổ khuyết Đại Tạng lâu đời của chùa Hoàng Pháp, làm cho mới đẹp để lưu truyền hậu thế lâu dài. Vua in ấn ba mươi sáu bộ Đại Tạng sai sứ ban phát, giáo hóa các nước lân cận, hầu làm cho tất cả đều thấy mặt trời Phật pháp.

Vua cũng ấn hành một ngàn bộ Bồ-tát Giới Bản, ban phát khắp nơi, khiến chúng sinh trên đại địa đều tuân hành bảo giới của Như Lai, lại ban Đại y đỏ và vàng cho cao Tăng các lộ để truyền trao đại giới; lấy thanh lương làm cảnh giới chân Phật, kiến lập năm ngôi chùa lớn để làm phước điền tối thượng. Mỗi khi vua thọ trai thì dùng bình bát Phật của Nam Thiên Trúc, đặt vào đó món ăn một trăm vị, lắng tâm quán tưởng thực hành pháp cúng dường.

Vua dùng bảo tháp xá-lợi của Như Lai thống nhiếp mười chín ngôi tự viện, mỗi mỗi đều có ban tiền để tu sửa trang nghiêm, lập hội Đại cúng dường.

Mỗi khi vua thấy Tăng Ni có tội thì không dùng vương pháp, chỉ khiến theo kinh giáo mà sám hối.

Vua lại miễn cả hai loại thuế về ruộng đất của tự viện, làm cho Tăng Ni an tâm tu đạo. Còn núi rừng cây cối của tự viện thì cũng khuyên bảo giữ gìn, không được chặt phá, hầu trang nghiêm cảnh giới của Phật thánh.

Vua bảo quần thần rằng: “Trẫm dùng Bản Giác Chân Tâm Vô Nhị để trị vì thiên hạ, quốc gia”.

Vua nghe nghĩa ngũ giáo rồi nói rằng: “Đốn giáo nói tức tâm là Phật, cảnh giới của chư Phật, nếu phạm phu không tu thì làm sao đạt đến”

Vua sai các bậc danh đức của hai nước luận biện kinh giáo, nhất nhất đều giống nhau. Vua liền nói:

- Bao năm nghi ngờ, hôm nay mới khai ngộ!

Vua ban thánh chỉ, hiểu dụ tất cả Tăng Ni không nên chọn công việc hay nghỉ ngơi, nên tuân theo đạo của Phật Thích-ca mà hành tu.

Thái hậu nhà Tống cạo tóc làm Ni, tụng kinh tu đạo, vua rất kính ngưỡng cúng dường tứ sự. Tống đế giờ đây với Vương vị đến quy y, học Phật tu hành, vua rất vui mừng, bảo cắt tóc làm Tăng, nghiên cứu Đại thừa, thấu suốt Phật lý. Các cung nhân của triều Tống cũng đều thế phát làm Ni. Vua nói: “Là người trong Tam bảo”, bèn bảo quy y, học Phật tu hành, và ban cho y thực.

Vua hỏi Đế Sư rằng:

- Thí thực rất ít. Vì sao có thể cứu độ vô lượng chúng sinh cõi u minh?

Đế Sư đáp:

Sức Chân ngôn của Phật pháp giống như hạt châu Ấm mã.

Vua mời Đế Sư thọ trai xong thì trời mưa đầy hoa vàng xuống.

Vua hỏi rằng:

- Vì sao lại có điềm lành này?

Đáp:

Vì tâm hoa bên trong của bệ hạ đã khai phát nên trời mưa hoa khen ngợi.

Tăng Nguyên Nhất người đất Thục sang Tây Thiên trở về, dâng lên tượng Phật ngọc thạch và kinh ghi trên lá bối. Vua hỏi rằng:

- Phật ở Tây Thiên có chăng?

Đáp:

Đương kim hoàng đế nơi Đông độ.

Đâu khác Đạt-đa ở Tây Thiên.

Vua lại hỏi:

Vì sao đệ tử của đạo gia thì ít, đệ tử của Như Lai thì nhiều?

Đáp:

Giàu thì một ngàn người còn chê ít, nghèo thì một thân cũng hận là nhiều.

Vua lại hỏi:

Hòa thượng còn bận thế duyên chăng?

Đáp:

Chẳng biết pháp nên mới phạm, biết pháp rồi thì chẳng phạm.

Vua hỏi Dẫn Đàn Chủ rằng:

Nơi đâu có Phật?

Đáp:

Hoàng đế ta tức là Phật.

Vua hỏi:

Vì sao gọi trẫm là Phật.

Đáp:

*Giết tha tùy tự ý*

*Còn khôn nằm trên tay.*

Năm vua tám mươi tuổi, một hôm nói rằng: “Tuổi thọ đồng với Thích-ca Như Lai, chẳng làm chư Thiên!” Sau đó thì băng hà. Khi linh giá ngang qua điện Tuyên Đức thì tự nhiên hiện vầng ánh sáng tròn lớn chiếu khắp cõi trời, Tăng tục đều đến chiêm lễ. Đó là hiển tác dụng thị hiện của Phật xưa. (Đoạn trên là trích từ Hoàng Giáo Tập trong Phật Tổ Thông Tả).

Tháng bốn mùa hạ Hoàng Tôn là Thiết Mộc Nhĩ lên ngôi, được ngọc tỷ. Văn ghi: “Lãnh mệnh từ trời, đã có thọ mạng lại vĩnh viễn xương mình”.

Xử sĩ triều Tống là Huyền ông đã hơn tám mươi tuổi, được vua ban cho vàng và lụa, nhưng không nhận cho đến khi qua đời.

Bá Nhan là người kín đáo sâu xa, có mưu lược, giỏi quyết đoán. Các tướng tôn kính ông như thần minh, có thể cho ông là lương tướng của một thời. Khi Thế Tổ băng hà, trăm quan đều đã thuận, ông cầm kiếm đứng dưới điện trình bày lời dạy của Thế Tổ và tuyên cáo cố mệnh, nói ý nghĩa sở dĩ lập vua mới. Lời lẽ, sắc mặt đều nghiêm, các vương đều run sợ. Nhiều lần thọ nhận tước vị nên có đầy đủ phong tiết của một Đại thần cho đến khi mất. Ông làm quan đến Khai Phủ Nghi Đồng Tam Y Thái Phó, Lộc là Quân Quốc Trọng sự, Phong tước Hoài An Vương, thụy là Trung Vũ.

**Thành Tông:** Thành Tông tên là Thiết Mộc Nhĩ, là cháu của Thế Tổ, con thứ ba của Thái tử Chân Kim, khi Thế Tổ băng hà thì Mộc Nhĩ được các vương lập lên ngôi, tại vị mười ba năm, thọ bốn mươi hai tuổi thì băng hà.

Vua kế thừa sau khi thiên hạ quy về một mối, ung dung mà trị vì, có thể cho rằng ông khéo giữ gìn sự thành công của Tiên đế. Những năm cuối đời bị bệnh tật liên miên, việc bên trong thì giao cho cung nhân quyết định, việc bên ngoài thì ủy thác cho các đại thần, đến khi có giặc làm phản mới có chút ít cảnh giác, nhưng chưa đến nỗi phải suy tàn, vì cách Thế Tổ chưa xa, pháp luật chế độ quy tắc vẫn còn. Vua cải niên hiệu hai lần.

Tháng bốn năm Ất Mùi, niên hiệu Nguyên Trinh thứ nhất, nước sông Lan châu tự nhiên trong xanh trong khoảng trên ba trăm dặm.

Tháng sáu lụt lớn ở Giang Tây, Thiểm Tây thì hạn hán. Nhân dân đói khát, phải cứu tế.

- Thiên sư Cao Phong húy là Nguyên Diệu, người Ngô Giang tỉnh Giang Tô, họ Từ, học tập ở chùa Mật Ấn Ô Tuất, đắc pháp nơi Thiên sư Khâm ở Tuyết Nham.

Sư sinh vào năm Mậu Tuất niên hiệu Gia Hi thứ hai đời Tống. Năm mười lăm tuổi Sư xuất gia, mười bảy tuổi thọ giới Cụ túc, mười tám tuổi học giáo nghĩa Thiên Thai, đến năm hai mươi tuổi chuyển pháp môn, vào chùa Tịnh Từ lập kỳ hạn quyết sống chết tham thiền trong ba năm. Năm hai mươi một tuổi yết kiến ngài Đoạn Kiều, sau tham vấn ngài Tuyết Nham ở Song Giản, lại trụ Song Kính mà ngộ đạo.

Sư ẩn cư ở Long Tu rồi dời đến Song Kế, đến năm Kỷ Mão, niên hiệu Chí Nguyên Sư lên ngọn Tây Phong núi Thiên Mục, vào biển Tử Quan, động Trương Công ẩn tu, mười lăm năm chưa từng rời động. Bấy giờ người học khắp nơi đến tham vấn rất đông, Tăng tục cầu thọ giới pháp đến vài vạn người. Ở đây Sư khai sơn chùa Sư Tử và chùa Đại Giác.

Ngày mồng một tháng chạp năm Ất Mùi, Sư đốt hương, nói kệ từ biệt chúng rồi ngồi yên mà thị tịch, thọ năm mươi bảy tuổi, bốn mươi ba hạ lạc, độ được mấy trăm đệ tử, tháp thờ được lập trong Tử Quan, theo di mệnh. Tổ Ung biết Sư có Ngữ Lục lưu hành thế gian.

Đoạn Kiều Thiên sư.

Tuyết Nham Thiên sư húy là Pháp Khâm, năm tuổi xuất gia, mười sáu tuổi được cạo tóc, mười tám tuổi hành cước khắp nơi, mười chín tuổi trụ tại chùa Linh Ân rồi lại dời sang chùa Tịnh Từ. Một hôm đang kinh hành trên điện Thiên Mục, ngược mắt nhìn thấy một gốc cây bách lâu năm bỗng nhiên tỉnh ngộ, từ đó không còn nghi sinh tử, nghi Phật Tổ. Sau Sư trụ chùa Đạo Lâm, Phật Nhật Thiên Tự ở Nam Minh, Hộ Thánh Thiên Tự ở Tiên Cư, Quang Hiếu Đạo Tràng ở Hồ châu, chùa Ngưỡng Sơn ở Giang Tây, và các chùa ở Bắc Giản. Sư là đệ tử nối pháp ngài Vô Chuẩn, thầy của Thiên sư Cao Phong.

Sư có để lại bộ Ngữ Lục học hai quyển lưu hành ở đời.

Niên hiệu Nguyên Trinh thứ hai, năm Bính Thân, kế thừa đời thứ ba mươi tám của nhà Hán, Thiên sư Trương Dữ Tài làm Thái Tổ cho ngưng Thân Quảng Đạo Chân nhân, thống lãnh đạo giáo ở các lộ thuộc Giang Nam.

Tháng Giêng năm Đinh Dậu niên hiệu Đại Đức thứ nhất, Thái hậu đến núi Ngũ Đài. Đầu tiên Vua vì Thái hậu mà lập chùa ở núi này,

đến khi hoàn thành thì Thái hậu, giá lâm cầu phước cho muôn dân.

Tháng hai năm này cải niên hiệu, đại xá thiên hạ.

Năm Mậu Tuất, niên hiệu Đại Đức thứ hai, vì lụt lội và hạn hán nên vua ban chiếu miễn tô thuế.

Năm Kỷ Hợi, niên hiệu Đại Đức thứ ba, vua ban chiếu sai sứ vỗ an nhân dân bị bệnh khổ. Tháng chín có sao băng, phát ra âm thanh như sấm.

Năm Canh Tý, niên hiệu Đại Đức thứ tư.

Bất Hốt Mộc làm quan đến chức Học sĩ Bình Chương. Đầu tiên, Thế Tổ mỗi khi nghe ông nói đều khen thưởng, ban cho bạch ngọc. Nhà nghèo, khi qua đời, vua ban phí tổn để chôn cất, tặng tước Lỗ Quốc Công, thụy là Văn Trinh.

Tháng tám năm Tân Sửu, niên hiệu Đại Đức thứ năm có sao chổi xuất hiện ở Đông Tỉnh, di chuyển từ Tử Vi viên đến Thiên Thị viên, qua bốn mươi sáu ngày mới tắt.

Đến tháng mười xuất hiện một ngôi sao lớn như cái chén, ánh sáng chiếu khắp mặt đất, từ phương Bắc xuất hiện rồi phân làm hai sao, di chuyển đến sao Ngụy thì mất.

**Tam Viên:** Tinh tú trên trời được phân làm ba nhóm (Tam Viên): Một là Tử vi viên, gồm mười lăm ngôi sao, vị trí ở giữa Thái ất; hai là Thái Vi viên, gồm mười ngôi sao, vị trí ở phía Bắc Chấn đực, ba là Thiên Đế viên gồm hai mươi hai sao, vị trí ở phía Bắc sao Phòng.

Tháng ba năm Nhâm Dần, niên hiệu Đại Đức thứ ba, vua ban chiếu vì hạn hán lụt lội, nên đại xá thiên hạ, miễn thuế và sai dịch ở ba năm. Tháng sáu ban chiếu xây miếu Văn Tuyên vương ở Kinh đô.

Thiền sư Chân Giác húy là Văn Tài, hiệu là Trọng Hoa, họ Dương, người Thanh Thủy. Tuổi nhỏ đã mất cha, hiếu kính phụng dưỡng mẹ, tánh thông minh lanh lợi, đọc hết tất cả sách, nhất là các thuyết về lý tánh. Ông thích các tác phẩm cổ, giỏi ngâm vịnh. Bẩm tánh rất đôn hậu thuần phác, giống như người không biết gì. Nhưng đến khi đàm luận, ứng xử thì biện tài thông suốt, khiến người chẳng biết bờ mé. Sư tham học khắp các trường giảng, đạt được Tông Chỉ Hiền Thủ. Sư từng nói rằng: “Học thì quý ở Tông thông, lời thì dùng để hiểu ý, ý nghịch với chí thì đạt được. Ngôn ngữ văn tự là cặn bã, há có thể mở được tuệ nhãn cho người ư?” Lúc đầu Sư ẩn cư ở Thành Kỳ, lập am tranh, trồng rừng tùng, có ý muốn trụ suốt đời nơi đây, vì thế người đời gọi là Tùng Đường Hòa thượng. Thế Tổ ban chiếu cho Sư trụ ở chùa Bạch Mã tại Lạc Dương, người đến học rất đông, danh tiếng ngày càng lan rộng. Thành Tông lại

lập Đại Vạn Thánh Hựu Quốc tự nơi núi Ngũ Đài, ban chiếu cầu tìm người làm vị khai sơn trụ trì đời thứ nhất. Đế Sư Ca-la Tư Ba tiến cử Sư, Thành Tông đúc ấn vàng ghi Sư là Chân Giác Quốc Sư. Sư từ chối mà nói rằng: “Vượt quá bốn phận của mình mà sống thì chẳng tốt, bất tài hèn kém mà nhận đi thì bất minh!” Đế Sư nói rằng: “Đây là lệnh vua!” Bất đắc dĩ Sư phải đi. Sư hoàng dương yếu chỉ của ngài Thanh Lương, đến già vẫn không mỏi mệt.

Ngày mồng một tháng chín năm này, Sư thị hiện có chút bệnh rồi thị tịch, thọ sáu mươi hai tuổi. Tháp thờ được lập ở chân núi Đông Đài.

Sư có soạn Tuệ Đăng Tập, Huyền Đàm Tường Lược, Triệu Luận Sơ lưu hành ở đời (Thông Tả).

Năm Quý Mão, niên hiệu Đại Đức thứ bảy. Kim Cang Thượng Sư húy là Công Gia Cát Lạt Tư, Trung Quốc dịch là Phổ Hỷ Danh Gian, lại có tên là Chiêm-ba, Trung Quốc dịch là Vi Diệu. Sư người Phiên ở Tây độ; đầu tiên hầu Pháp vương Thượng Sư tụng chú như nước chảy, thông suốt phép tắc tụng kinh trì chú. Vào thời Thế Tổ, Sư đến Trung Quốc triều kiến vua, hỏi đáp rất hợp ý, thường có nhiều điềm linh ứng, chẳng phải là một. Đến thời Thành Tông, Sư tâu xin lương thực và thuế cho Tăng Ni. Vua ban chiếu cho Sư trụ trì ngôi chùa nổi tiếng, rất được vua ân sủng. Ngày mười tám tháng năm năm này, Sư thị tịch. (Thông Tả).

Kim Lý Tường người Lan Khê, ẩn cư núi Kim Hoa soạn Thông Giám Tiên Biên và chú Sớ Tứ Thư Ngũ Kinh, truyền sở học cho môn đồ là Hứa Liêm. Ông tự vui với đạo, không màng danh lợi, người học gọi ông là Nhân Sơn Tiên Sinh, thụy là Văn An.

Tháng hai năm Giáp Thìn, niên hiệu Đại Đức thứ tám, sao chổi xuất hiện ở Thất độ nhập Tử Vi Viên, tua dài khoảng một trượng, bảy mươi sáu ngày mới tắt.

Tháng bốn năm Ất Ty, niên hiệu Đại Đức thứ chín, động đất ở Đại Đồng, phát ra âm thanh như sấm, làm đổ nát trên năm ngàn gian nhà, đè chết năm ngàn người, đất nứt ra phụt lên những dòng đen ngòm, trong đó có các cây tùng, cây bá mục nát. Vua sai sứ đến cứu tế.

Tháng giêng năm Bính Ngọ, niên hiệu Đại Đức thứ mười, bãi chức Bạch Vân Tông Đô Tăng Lục Ty của Giang Nam. Tháng hai có bão, tuyết rơi dày, mưa đá hạt lớn như quả trứng.

Ngày mồng một Bính Dần, tháng giêng năm Đinh Mùi vua bệnh nặng không lâm triều, đến ngày Quý Dậu mồng tám vua băng hà tại điện Ngọc Đức; hiệu là Thành Tông Hoàn Giả Đốc Khâm Minh Quảng Hiếu Hoàng Đế.

Tháng năm Vũ Tông lên ngôi.

**Vũ Tông:** Là con trưởng của Thuận Tông Đáp Lạt Ma Bát Lạt. Đầu tiên được phong làm Ninh Vương giữ chức Tổng Binh Phương Bắc, đã từng lập nhiều chiến công. Khi Thành Tông băng hà, các vương lập ông lên làm vua, tại vị năm năm, thọ ba mươi một tuổi.

Vua đảm đang một cơ nghiệp bao la giàu có, bỗng nhiên muốn thay đổi pháp cai trị. Ông phong tước rất nhiều mà từ xa trao, cho nên quan đông; ban thưởng rất hậu mà thưởng chung, cho nên ân đức mỏng. Do đó chánh trị của đời Chí Nguyên và Đại Đức đến đây có biến đổi chút ít.

Tháng sáu mùa hạ phong cho người em cùng mẹ tên là Ái Dục Lê Bạt Lực Bát Đạt làm Thái tử, truy tên cha Thái tử là Thuận Tông.

Tiêu Cử người Thiểm Tây, học rộng, ba mươi tuổi mà chẳng cầu tiến thân. Được tiến cử làm quan Dự Đức cho Thái tử. Sau cáo bệnh trở về quê thì mất, thụy là Trinh Mẫn.

Gia Phong Khổng Tử là Đại Thành Chí Thánh Văn Tuyên Vương. Chiếu ghi: Bậc Thánh trước Khổng Tử, chẳng có Khổng Tử thì không thể sáng tỏ; bậc Thánh sau Khổng Tử, chẳng có Khổng Tử, thì không có. Vì thế, noi theo Nghiêu Thuấn, chế định hiến chương cho văn võ làm phép tắc cho đế vương, lập khuôn mẫu cho vạn thế.

Trẫm kế thừa nghiệp lớn, kính ngưỡng phong quy, noi theo phép tắc trị quốc xưa, nêu tỏ điển chế phong tặng, nay ban hiệu là Đại Thành Đại Thánh Văn Tuyên Vương. Sau sứ về quê thiết đại tiệc chúc mừng. Ô hô! Tình thân phụ mẫu, nghĩa cả vua tôi, vĩnh viễn là tôn chỉ của Thánh giáo. Đất trời rộng lớn, nhật nguyệt chiếu soi, đâu thể cùng tận được danh ngôn chí diệu. Kính mong Thần hóa của Thánh xưa luôn phò trì cho Hoàng Thiên ta hiện thế!

Hàn lâm thừa chỉ Diêm Phục Chi soạn.

Năm Mậu Thân, niên hiệu Chí Đại thứ nhất, tượng quý chiêm-đàn tính đến nay đã hai ngàn ba trăm năm.

Thích Khả ở chùa Tu Thiền, Phật Lũng, Thiên Thai. Sư hiệu là Nghi Hành, thông đạt giáo nghĩa Thiên Thai, tinh chuyên tu tập chỉ quán. Nghe mưa rơi mà làm bài kệ rằng:

*Ngoài hiên mưa giọt thật rõ rành  
Chúng sinh mê muội gọi âm thanh  
Bao năm ta cũng lao theo cảnh  
Đêm xuân chợ mắt mộng khó thành.*

Năm Kỷ Dậu, niên hiệu Chí Đại thứ hai, vua ban bài minh trên

tháp Phật Quốc Phổ An thiền sư, do Khuê Chương Các Ngũ Tập soạn (lược xem ở phần Thế Tổ năm Đinh Mão).

Sắc ban văn bia Khất Thai Tát Lý Thần Đạo, do Hàn Lâm Triệu Tử Ngang soạn.

Lâm Tế Chánh Tông, nội hàn Triệu Mạnh Phủ phụng chiếu soạn bia ký. Bia lược ghi:

“Phật dùng Đại trí tuệ chiếu phá tất cả hữu, dùng Đại Viên Giác nhiếp tất cả không, dùng đại từ bi độ tất cả chúng sinh. Đầu tiên ở nơi không nói mà đến không gì chẳng nói, từ chỗ không gì chẳng nói mà đến nơi không nói. Phạm đạo chẳng nói thì chẳng thể truyền, truyền mà chẳng dùng lời, thì đạo ngoài ngôn ngữ vậy, đó là Tối thượng thượng thừa Phật pháp. Như dùng củi để dẫn lửa, củi hết mà lửa truyền dẫn đến vô cùng”.

“Hải Vân Đại Tông Sư Giải Công tánh và đạo hợp, tâm và pháp khế, nhỏ không gì chẳng vào, lớn không gì chẳng bao trùm, trụ ở viên Lâm tế, nối tiếp Tổ truyền, dùng chánh đạo thống nhiếp Phật pháp. Do đó đến đây mà trung hưng đạo lớn” Lại ghi: Tây Vân Đại Tông Sư An Công khéo kế thừa đạo nghiệp, thăng tòa Sư tử thuyết pháp cho đại chúng, khiến người nghe thì tán thán, người tin kính ngưỡng, người được thì như bảo châu, người ngộ như hư không. Hoàng đế vạn niên, chánh pháp vĩnh truyền, ngõ hầu người sau không mê lầm nguồn cội. (Thông Tả).

A Sa bất hoa thấy dung mạo của vua ngày càng tiêu tụy, bèn tâu rằng: Vị bát trân chẳng biết thọ dụng, thân vạn lượng chẳng biết xót thương, chỉ ưa thích rượu men, đam mê nữ sắc. Việc ấy giống như hai chiếc búa chặt một thân cây, chẳng có cây nào không ngã đổ”.

Vua vui mừng phong quan tước.

Ngày Canh Thân tháng giêng năm Tân Hợi, niên hiệu Chí Đại thứ tư, vua băng hà ở điện Ngọc Đức, hiệu Võ Tông Khúc Luật Nhân Tuệ Tuyên Hiếu Hoàng Đế.

Ngày Canh Dần tháng ba Hoàng Thái tử lên ngôi hoàng đế ở điện Đại Minh, đại xá thiên hạ, ban lựa cho người già, bãi bỏ các cơ sở Tăng, Đạo.

**Lược ghi:** “nhờ vào Năm vị để thăng cấp, chuyển Hai y mà thành quả, đó là Bồ-tát thượng thừa. Dùng Tứ hướng, nhất tòa để chứng thành, lấy ba đời trăm kiếp để lập hiệu thì đó là hàng Duyên giác, Thanh văn. Thánh hiền thì có phẩm cấp, giác pháp thì có văn từ. Ôi! Diệu ngộ tự tâm, nhập tri kiến Phật mà ngàn Thánh còn chẳng làm, hà huống gì có

giai cấp?”

Cuối cùng ghi: “Triều đình còn thi hành tước phẩm, Thích tử bèn tranh cạnh quan hàm. Quan hàm không bao giờ tận, tham ái chẳng thể mãn phần. Sao chẳng dưỡng nuôi thê tử mà lại vui lại quân vương, chẳng khác nào chức nữ thất nang, dất trâu mang ách. Thông đạt điều này thì không chấp thủ”.

Bất Không Tam tạng có công rất lớn với đại giáo, mà khi vào cung giảng pháp còn hổ thẹn là đã ô lạm, vậy nay người nào muốn mượn danh quan tước?

Nhân Tông.

**Nhân Tông:** Húy là Ái Dục, là con thứ của Nhuận Tông, tên là Lê Bạt Lực Bát Lạt, là em cùng mẹ với Võ Tông. Võ Tông đã phong ông làm hoàng Thái tử, vì thế khi Võ Tông băng hà thì ông lên kế vị, tại vị được mười năm, thọ ba mươi sáu tuổi. Vua rất từ hiếu, thông minh, khiêm cung, tiết chế. Vua thông đạt Nho thuật, yêu thương nhân dân, chăm lo trị quốc, luôn tuân theo chế độ đời Thế Tổ, là một vị vua có đức cả lại theo phép xưa.

Năm Nhâm Tý, niên hiệu Hoàng Khánh thứ nhất. Vua luận rằng: Ngự Sử Đài là công luận về một đời, Quốc Sử Viện là công luận của vạn thế.

Tháng năm vua ban chiếu cấm các vương sẵn bắn làm nhiễu loạn dân trong thời vụ nông gia, đến tháng mười mới được ra ngoài săn bắn. Năm Quý Sửu niên hiệu Hoàng Khánh thứ hai. Vua nói: “Người thiện mới có thể làm vật báu, dùng người thiện thì bá tánh an ổn, đó là vật báu của quốc gia.”

Vì trời hạn hán kéo dài, nên vua ở trong cung đốt nhang cầu khẩn, lại sai các quan chia nhau đến các miếu khẩn cầu. Trời liền tuôn mưa lành xuống đại địa. Quan Thừa Chỉ Lý Mạnh nói rằng: “Quyền hành của bậc nhân chủ là tại thưởng phạt. Thưởng một người thiện là khuyến khích thiên hạ, phạt một người ác là trừng phạt thiên hạ.” Lại nói: “Tăng đạo đã hành pháp xuất gia, đâu cùng với quan phủ mà bãi bỏ Tăng đạo quan?” Vua liền viết hai chữ “Thu Cốc” để ban cho.

Vua ban chiếu xây Sùng văn các ở Quốc tử giám, lệnh cho các danh nho nhà Tống như: Chu Tôn Di, Trình Hạo, Trình Di, Trương Tải, Thiệu Ung, Tư Mã Quang, Chu Hi, Trương Thức Lữ, Tổ Khiêm và Cố Trung Thư Hứa Hành tế tự Khổng Tử ở miếu đình.

Năm Giáp Dần cải niên hiệu là Diên Hựu nguyên niên, ban chiếu lập khoa thi, khảo kinh nghĩa để chọn kẻ sĩ hầu dùng được Nho sĩ chân

chánh, để đạo trị quốc được hưng long. Vua lại sắc cho các tỉnh để tâm tìm cầu hiền tài ẩn dật, nếu được người như thế thì trước dùng danh văn chiêu mộ, sau đến mời thỉnh.

Pháp sư Phật Trí tên là Sa-la-ba, Hán dịch là Quán Chiếu. Đầu tiên lễ Đế sư Bát Tư Ba cầu xuất gia, học tập pháp quán đảnh của các bộ, lại theo Trứ Xích Thượng Sư học Đại Tiểu thừa. Bấy giờ có Lạt Ôn Bốc rất giỏi về Bí mật giáo, nổi tiếng ở đời, Sư liền đến cầu học. Vì thế rất giỏi tiếng Thổ Phồn và có biết được văn tự các nước khác. Sau nhờ Ca La Tư Ba Đế Sư tiến cử, nên Thế Tổ sắc cho Sư phiên dịch các kinh hiển mật mà Trung Quốc còn thiếu, văn từ của Sư rất trong sáng, luận biện khéo léo, nên vua đặc biệt ban hiệu là Đại Biện Quảng Trí, sau lại ban hiệu là Hoàng Giáo Phật Trí Tam Tạng Pháp Sư, làm Đô Tổng Thống Thích giáo vùng Giang Triết. Vua đích thân đưa tiễn. Hoàng thái tử và các vương thường thưa hỏi Sư về pháp yếu. Các kinh do Sư phiên dịch đều được triều đình khắc bản ấn hành.

Ngày năm tháng mười năm ấy Sư hiện có bệnh, vua ban vạn quan tiền, sắc cho Thái úy Phiên Vương lo thuốc thang, sau khi lễ tạ xong, Sư ngồi yên nhìn Phật mà thị tịch. Vua rất thương tiếc, sắc cho các quan lo việc tổng táng, sai sứ đưa về quê xây tháp thờ. (Cao Tăng Truyện, Thông Tải).

Phổ Giác Pháp sư họ Triệu, húy Anh Biện, hiệu Phổ Giác, năm hai mươi tuổi thọ giới Cụ túc, đạt yếu chỉ Tông Từ Ân nơi Đàm Pháp sư ở Bá Lâm, khai pháp ở chùa Cảnh Phước, Tần châu, xiển dương tông chỉ, tiếng tăm vang khắp bốn phương. Sư đã phá dẹp tà kiến dựng lập chánh pháp, nhưng bảm tánh chân thuần, như viên ngọc chẳng cần mài dũa, mọi người đều mến trọng, đến như kẻ hung hãn vũ phu cũng cung kính, Sư thật là một vị Phật ở đời không có Phật.

Thế Tổ nghe phong cách cao vời của Sư bèn ban chỉ khen ngợi. Vào ngày Canh Tuất, tháng sáu năm này Sư không bệnh gì, bỗng nhiên từ biệt chúng, ngồi yên thị tịch. Sáng rực cảnh lạ ở một chiều là thế, hiển hiện kỳ tích sau khi hỏa hóa còn thừa, tháp được xây ở phía sau chùa Phổ Giác, thọ sáu mươi tám tuổi, sáu mươi mốt hạ lạc (Phật Tổ Thông Tải).

Tháng mười một ở kinh đô có hạn hán dịch bệnh, vua hỏi về phép trừ tai họa, học sĩ Trình Cự Phu nêu việc dùng nước nóng cúng rừng dâu để đáp. Vua bèn nói: “Đây là lỗi của Trẫm, còn dân có tội gì!” Ngày hôm sau, trời đổ tuyết lớn, vua thỉnh các vị tăng Tây Trúc hành Phật sự, tha bổng kẻ tù tội.

Tháng giêng năm Ất Mão, niên hiệu Diên Hựu thứ hai, vua ban chiếu cho An phủ sứ phân làm mười hai đạo thăm hỏi an ủi nhân dân bị bệnh khổ, truat biếm quan lại. Tháng năm ở Tần châu có núi lở, tháng mười một sao chổi xuất hiện ở Tử vi thiên. Vua đại xá thiên hạ.

Năm bính thìn, niên hiệu Diên Hựu thứ ba. Vua lễ Công Ca La Ban Tạng Bốc làm Đế Sư.

Lại Lục Tôn công mẹ tránh loạn lạc, giặc cướp đến vẫn ôm giữ mẹ không chịu rời. Vua nghe được bèn ban cho Tinh biểu.

Vua ban sắc tạo điện thờ thụy tượng chiên đàn. Hàn lâm thừa chỉ Trình Cự Phu soạn lời ký rằng: Từng nghe đạo có hình tượng mà muốn để tạo ắt phải định các hình dung, pháp vốn đều không mà muốn độ thế thì phải nhờ vào sắc tướng. Như chỉ hư không là tấm gương, chứ chẳng thể dùng gương mà dụ hư không. Nhìn nơi cây mà đoán biết gió, như biết gió rồi thì quên cây. Vì thế nơi Ta-la song thọ phó chúc phân chia xá-lợi, để phàm thánh đều có phần, bàn chân thiên bức kinh hành dấu vết suốt cổ kim mà thường trụ. Chẳng phải khoe thần thông nơi cảnh huyễn, mà thực là khai phương hiện ở bến mê. Do Phật mà nghĩ đến tâm, tức tâm mà tức Phật. Thụy tượng chiên-đàn là chân tượng của Phật, giống như muôn bóng trăng trong dòng nước vẫn như như chẳng khác, một tia sáng chiếu qua khe mỗi mỗi đều tròn đầy. Như thế há có thể chọn đất mà hợp ư? Chỉ do tùy duyên mà ứng vậy. Trong rừng mai mà hết khát, tất cả đều thấm nhuần; cưỡi cành trúc để trở về, ai kham cùng gánh vác? Chỉ có Thiên tử triều ta đạo đồng Thánh trước, từ như giặc vương, chúc cho hoàng triều tháng năm mãi mãi gá nương Phật địa, ngưỡng mong Như Lai tuế nguyệt hằng ngồi quán nhân thiên.

Về Thụy tượng này có ghi chép đầy đủ trong phần nói về niên hiệu Gia Thái thứ ba đời Tống Ninh Tông ở tập trước. Tức nói từ Tây Thiên, Quy Tư, Lương Châu cho đến Thương Kinh tổng cộng hai ngàn ba trăm lẻ bảy năm.

Vua sắc phong gia hiệu cho Phổ Am Thiên sư. Chiếu ghi: Vâng mệnh trời, hoàng đế ban thánh chỉ rằng: Trẫm từng nghe Phật đạo lấy không tịch làm tông, thì hàng phàm học những người tuân phụng đâu muốn lập tên hiệu, vậy lập danh xưng là để chỉ bày cho người đời sau trong thiên hạ ư? Nhưng quốc gia không làm như thế, thì không biết lấy gì để làm sáng tỏ ý tôn sùng cao đức, ưa thích đạo màu. Từ khi Trẫm lên ngôi đến nay nghe ở Từ Hóa Thiên tự, núi Nam Nhạc, Lộ viên châu có Phổ Am Tịch Cẩm Diệu Tế Châu Giác Chiêu Chúc Đại Đức Tuệ Ái Thiên sư nối tiếp dòng Lâm tế, siêu việt cảnh hoa nghiêm, đức sáng

soi đương thời, làm nhuần thấm người học, khắp bốn phương đến tham cầu. Đạo pháp đã cao siêu hiển lộ, lòng Trẫm thâm mến mộ, đã ban cho đại thụ, mà hiệu tháp chưa lập, nên nay đặt là Định Quang tháp. Ghi: “Định Quang Linh Thụ Chi Tháp”.

Năm Đinh Tỵ niên hiệu Diên Hựu thứ tư, sắc ban cho Viễn Pháp sư ở Đông Lâm hiệu là Diệu Giác Tịch Quang Hoàng Biện Đại sư, do Đô tể soạn văn.

Bốn tháng mà trời chẳng mưa, vua tự thân ra ngoài trời thấp hương cầu nguyện, bỗng nhiên trời mưa lớn, quan hầu dâng áo mưa mà vua chẳng nhận.

Phước Nguyên Giảng Chủ hứ Đức Khiêm, họ Dương, tự Phước Nguyên, người ở Định Bình, Ninh châu. Thuở nhỏ làm Sa-di thích tụng đọc kinh Phật, lớn lên đi khắp các nơi, tham học với các bậc danh đức theo Ninh Công học Bát-nhã, theo Trung Công học Thụy Ứng, theo Tiên Công học U Tán, theo Nhất Công học kinh Viên Giác, lại nghiên cứu Duy thức, Câu xá nơi Di Công, nghe giảng Lăng nghiêm, Tứ Phần luật nơi Văn Công, mà các vị này đều biết pháp hiệu nghĩa, thanh danh vang xa, sư đều thân cận tham học, thấu đạt được sở học của họ. Sau sư đến Kinh đô theo Vạn An Giảng Công học Hoa Nghiêm. Đầu tiên, Sư phụng chiếu trụ chùa Vạn Ninh, kế đến trụ ở chùa Từ Ân, trước sau sư trụ đến mười ngôi. Đạo đức của Sư trùm cả Chấn Đán, thanh danh vang khắp đến ngoại bang.

Vinh hiển và sự sủng ái của vua chưa từng làm sư thay đổi ý chí. Sư từng nói: “Làm Sa-môn thì ngược dòng thế tục, chẳng hổ thẹn vì sáng được nghe chiếu phải chết, như thế sao còn luyến mộ?” Sư bèn lui về đóng thất ẩn cư, làm người sống ở thế gian mà xa lìa thế tục. Vào tháng giêng năm ấy sư thị tịch, vua ban tinh kỳ, tiền bạc để lo việc an táng. Tháp của Sư được xây ở góc Nam kinh thành.

Quang Giáo Luật sư hứ là Pháp Văn, họ Nghiêm ở Thiểm tây. Năm mười lăm tuổi xuất gia, hai mươi tuổi thọ giới Cụ túc. Sư theo Ôn Công học Pháp Hoa, Bát-nhã, Duy Thức, Nhân Minh và luật Tứ Phần. Ôn Công phó thác cho sư sự nghiệp hoàng truyền chánh pháp. Sư từng ở trước tượng Phật đốt thịt đốt ngón tay, để biểu thị lòng chí thành, lại trích máu chép kinh để tỏ bày tâm trọng pháp. Sư ẩn cư ở Đài sơn suốt sáu năm chưa từng dời bước. Ba lần đọc bộ tạng kinh năm ngàn quyển. Đế sư mời Sư giảng thuyết, rồi nói với môn đồ rằng: “Đâu ngờ đất Hán lại có vị Tăng này.” Vua nghe được thỉnh Sư vào cung, ban chiếu trụ chùa Thái Nguyên phong tước Vinh Lộc Đại Sư. Kế đó Sư dời sang chùa

Phổ Khánh, gia phong tước Khai phủ nghị Đồng Tam Ti, ấn chương nhất phẩm. Vương công, đại thần đều kính ngưỡng phong cách cao vời của Sư, giống như sao cảnh, phượng hoàng xuất hiện lúc sớm mai. Sau vua lại ban hiệu Thật Tướng Viên Minh Quang Giáo Luật Sư, và giới kinh chữ vàng của thời Liêu. Người đến Sư cầu thọ giới rất nhiều.

Tháng ba năm này sư ngồi Kiết già thị tịch, vua bang vàng bạc để lo an táng, có quan Tư nghị cầm tinh kỳ đưa tiễn (Thông Tả).

Tháng giêng năm Mậu Ngọ, niên hiệu Diên Hựu thứ năm, động đất ở Hi châu. Tháng hai động đất ở Hòa châu, núi lở ở Tần châu. Tháng bốn động đất ở Đức Khánh, núi lở ở Nam Độ vùi chết cả dân, vua ban chiếu cấp lương thực cứu tế.

Đặc phong Quốc Sư: Đạt Ích Ba theo hầu hạ Đế sư Đại Tát Tư Thuật mười ba năm, nghe giảng kinh luận, học tập đạo đức, huân tập lâu ngày, nên trở thành một bậc pháp khí. Phàm Kinh Luận Đại Tiểu Thừa, Bí mật thừa gồm hơn mười bộ đều được nghe giảng hoặc được truyền trao, Sư đã đạt được chỗ quy hướng của lý, chỗ đến của hành. Vì thế thanh danh vang đến hai kinh, đạo đức được trọng cả ba triều, phụng sự hai thánh nơi vương phủ. Sư ra sức cần khổ tu hành, phụng sự trong hơn hai mươi năm, được vua ban thưởng rất nhiều. Sau Sư trở về chùa Đại Quyết mà vua đã ban, lại được ban cho ấn vàng, rồi phong hiệu là Hoàng Pháp Phổ Tế Tam Tạng Hựu Thánh Quốc Sư.

Ngày sáu tháng năm năm này Sư thị tịch ở Kinh đô. Vua ban xe ngựa chuyển về an táng ở Thành kỹ. Thọ bảy mươi ba tuổi (Thông Tả)

Bản đồ trồng dâu: Vào tháng tám quan Tư nông miêu Hiếu Khiêm soạn và dâng lên vua nói: “Nông tang là gốc của y phục và thức ăn, bản đồ này rất tốt.” Vua sai khắc tu một ngàn bản, ban phát trong dân gian. Lại in Đại Học Diễn nghĩa ban cho các quan trong triều.

Năm Kỷ Mùi niên hiệu Diên Hựu thứ sáu.

Thiền sư Hồ Nham ở Kính sơn húy là Phục,

Thiền sư Bản Nguyên húy là Đạt,

Thiền sư Hối Cơ húy là Hi,

Thiền sư Hư Cốc có thụy hiệu.

Lập Đại Vĩnh Thiền Tự tức Thanh tháp.

Phật Hộ Đại sư húy Bản Vô, hiệu Ngã Am, người ở Hoàng Nham, Thai châu. Thuở nhỏ Sư lễ Phương Sơn Bảo Công cầu xuất gia và thọ giới Cụ túc, kế đến nương ngài Tịch Chiếu ở chùa Trung Thiên Trúc tham học mà có tỉnh ngộ. Sau chuyển sang nghiên cứu học tập giáo môn

nơi ngài Trạm Đường Trường Công. Thiền sư Tịch Chiếu thăm tiếc, nên gởi cho Sư một bài kệ rằng:

*Xưa nay y giáo nhập Thiền tông  
Từ thiên vào giáo rõ ràng không  
Nhất tâm tam quán tuy sai biệt  
Ngàn sông đầy nước một trăng trong.*

Sau sư khai đường hoàng pháp nổi hai dòng Tịch Chiếu và Trạm Đường. Đầu tiên, sư trụ trì chùa Diên Khánh ở Tứ Minh, sau trụ chùa Thượng Thiên Trúc ở Hàng châu. Một hôm, Sư không bệnh ngồi kiết già ở Bạch Vân đường thị tịch. Vua ban thụy hiệu là Phật Hộ Tuyên Giác Hiếu Từ Khuông Đạo Đại Sư. (Cao Tăng Truyện).

Diệu Văn Giảng Chủ. Sư xuất gia năm chín tuổi, mười tám tuổi thọ giới Cụ túc. Đầu tiên Sư nương Hòa thượng Viên ở chùa Đại Đức học giáo viên đốn, lúc thăng tòa thì luận biện vô ngại, như núi lở sông trôi, đến lúc nhàn cư thì lặng im chẳng một lời. Công phu hàm dưỡng rất sâu, không nhanh thì chẳng tiến, đại khái là như thế. Năm bốn mươi tám tuổi, sư trụ ở Vân Tuyên, Tô châu, sống đời cần kiệm, tiết dụng. Khiến người già thì mến mộ đạo đức của Sư, hàng trẻ thì tuân phục lời dạy của Sư. Vì thế đại chúng hòa mà chùa an. Nếu trong kho còn thừa lúa gạo, Sư phân phát cho người đói khổ, cho nên nhân dân vùng Tô châu khen ngợi. Vua Thế Tổ mời Sư diện kiến, vừa thấy vua liền nói với thị thần rằng: “Đây là phước đức Tăng” và ban chiếu trụ ở chùa Đại Bảo Tập ở Kinh đô. Từ đó giảng trường của giáo thừa ngày càng hưng thịnh, tánh tướng đồng theo về, tăng tục đều được độ. Bấy giờ trong nước có rất nhiều giảng đường phần nhiều đều cố chấp nơi tánh tướng, trệ ngại vì khác đường. Chỉ một mình Sư hoằng dương Phương đẳng, đại chấn Viên tông, khiến cho kẻ bảo thủ vượt ra ngoài sự tịch mặc; hàng Long tượng tranh nhau chạy về Nhất thừa.

Đến năm ngoài tám mươi tuổi, Sư chuyên tu niệm Phật Tam-muội. Một hôm Sư kết ấn thị tịch.

Ngày mồng một tháng giêng năm Canh Thân, niên hiệu Diên Hựu thứ bảy, có nhật thực. Vua giữ trai giới, không thọ ngự thiện. Sau đó vua băng hà. Thụy là Nhân Tông Văn Anh Võ Chương Hoàng Đế.

Tháng ba Thái tử lên ngôi, đại xá thiên hạ.

Anh Tông.

**Anh Tông:** Húy là Thạch Đức Bát Thích, là con trưởng của Nhân Tông, tại vị được bốn năm, bị Ngự sử Thái phu Thiết Thất... hành thích nơi hành cung, thọ hai mươi một tuổi.

Vua là người chí hiếu, khi Nhân Tông bị bệnh, hằng đêm luôn thắp hương than khóc cầu trời, nguyện dùng thân mình chịu thay, đến khi Nhân Tông băng hà thì than khóc sầu khổ vượt lễ nghi, ngủ dưới đất, ngày ăn một chén cháo. Đến khi lên ngôi thì hành pháp vô tư, quả quyết trong việc tru diệt. Bọn gian đảng sợ tội nên tạo biến loạn.

Vua Thụy là Cách Kiên Hoàng Đế.

Tháng giêng năm Tân Dậu, niên hiệu Chí Trị thứ nhất, vua mặc tang phục dâng lễ cúng ở Thái miếu nói rằng: “Hàng năm Trẫm phải thân hành đến đây cúng tế, cho đến hết đời”. Có người đề nghị đại xá thiên hạ, vua bèn nói: “Ân thì có thể thương ban cho, còn xá tội thì chẳng thể thương làm. Khiến cho kẻ giết người tránh khỏi tội, còn người chết thì nào có tội gì?”

Mồng một tháng hai xây dựng chùa Phật ở Tây Sơn. Tháng chín vua đến Hưng Hòa; trời lạnh quần thần thỉnh vua trở về cung. Vua nói: “Quân thì lấy trâu, ngựa làm trọng, dân thì lấy việc cấy gặt làm gốc. Muốn cho ngựa có được cỏ non, dân được trâu hoạch, thì có kể gì nóng lạnh?”

Lập điện Đế Sư:

Vua ban chiếu cho các lộ lập điện Đế sư. Thích Nguyên Tông Chủ Pháp Hồng Phụng sắc soạn bia rằng: “Hoàng đế khả vận trời Bắc, khai phát Hạ bang (Trung Quốc, Hoa Hạ), Dương đại uy thần vũ, lập công cao hợp nhất. Nghĩ rằng không dùng sát mà thắng bạo tàn, đưa dân sinh đến nơi nhân thọ, pháp ấy không gì hơn Thích giáo. Cho nên tôn sùng đạo ấy để làm lớn mạnh gốc trị hóa. Vì Đế sư Bát Tư Bát có đạo của Thánh nhân, cho đến Hoàng đế chí tôn, tận lòng tôn kính như thầy. Sư dạy dùng yếu chỉ của chí đạo để thi hành trong chánh trị của Nho gia. Vì thế đức của Hoàng đế lan khắp bốn biển, ân nhuần thấm đến vạn bang, tất cả đều nhờ Đế Sư trợ giúp vậy”.

**Bài minh lược ghi rằng:** Phật đạo rộng lớn như biển cả không bờ, khắp cùng trời đất, đồng thời nuôi dưỡng nhuần thấm vạn loài. Như bậc Thánh kia, trên đời chỉ một, đem cả đức năng, không phò vương quốc, giúp liệt vị Hoàng tổ khai cơ, Thánh thượng định yên Nam quốc, công sánh trời cao... Nay trụ tặng Thụy là Hoàng Thiên Chi Hạ Nhất Nhân Chi Thượng... (Đã ghi đầy đủ ở văn trước). Triệu Mạnh Phủ viết chữ Sơn, Nguyên Minh Thiện viết gạch bằng chữ Triện.

Hoàng Giáo Đại sư húy Liễu Tánh, hiệu Đại Lâm, họ Võ. Đầu tiên theo Hòa thượng An xuất gia, thọ giới Cụ túc. Sư trải qua các trường giảng, nghiên cứu sâu xa ba tạng. Sau gặp quốc sư Chân Giác mới khai

mở được tâm nghi. Như Bá Lâm Đàm, Quan Phụ Hoài, Nam Dương Từ đều từ giáo học Hiền Thủ mà nổi tiếng một thời, Sư đều đến tham học và đã lãnh ngộ được huyền chỉ. Kế đó Sư lên phía Bắc đến các vùng Yên, Tô, ẩn danh nơi cung khuyết, mà nhân nhĩ như đang sống nơi hải hồ, quên hẳn thế tục. Thành Tông sắc cho Sư trụ ở chùa Vạn Minh. Thanh danh vang khắp trong ngoài nước. Thái hậu xây chùa Đại Phổ Ninh ở núi Ngũ Đài, thỉnh Sư làm trụ trì đời thứ nhất. Sư chẳng cầu hợp thời, chẳng khuất người. Hàng tri thức tôn kính phong tiết của Sư.

Tháng chín năm này Sư thị tịch, thụ là Hoằng Giáo Đại Sư.

Năm Nhâm Tuất niên hiệu Chí Trị thứ hai, có người nói Phật giáo có thể trị thiên hạ. Vua hỏi Thừa tướng Bái Trụ. Bái Trụ tâu rằng: “Đạo thanh tịnh tịch diệt dùng để tu thân thì được; còn như dùng để trị thiên hạ, ắt bỏ nhân nghĩa thì loạn cương thường”.

Huyền Đường Giảng Chủ hứu Bảo Nghiêm, tự Sĩ Oai, con thứ của Khương Thị ở Thành Ký. Do gặp thời ly loạn, Sư và em đồng xuất gia làm Tăng. Sau tham yết Chân Giác đạt được yếu chỉ tông Hiền Thủ, và kế thừa dòng pháp này. Sư là người thuần phác, không hư dối... đắc tâm thanh tịnh như mặt nước lặng yên. Gặp Chân Giác ba lần ngồi ở đạo tràng, Sư và em liền theo hầu. Sau khi ngài Chân Giác thị tịch, Sư được kế thừa pháp tịch. Không bao lâu Sư phụng chiếu trụ trì chùa Phổ An và Hựu Quốc ở Đại Ngạc sơn.

Tháng bảy năm này Sư thị tịch.

Phật Quang Đại Sư hứu Chí Đức, hiệu Vân Nham, người Đông Xương. Năm mười hai tuổi theo Hải Văn Hòa Thượng học kinh, theo Pháp Chiếu Hi Công học Tông Từ Ân đạt được yếu chỉ sâu xa. Niên hiệu Chí Nguyên, Thế Tổ triệu kiến ban yến tiệc và tử y, mời trụ chùa Thiên Hy và Tinh Trung. Hằng ngày Sư giảng số Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Duy Thức, Kim Cang. Vua đặc biệt ban cho Sư hiệu Phật Quang Đại Sư. Sư truyền giới pháp cho bảy chúng, khiến họ lập thế chẳng phạm. Gặp năm mất mùa, Sư nấu cháo cứu giúp hàng vạn người đói khát. Sư trụ ở chùa Thiên Hy hơn ba mươi năm chỉ một y, một dép chưa từng thay đổi, quá ngộ chẳng ăn. Ban đêm thì ngồi ngay thẳng khổ tụng đến mù mắt. Một hôm bỗng mộng thấy một vị Phạm tăng đến nghinh tiếp ngồi nơi tòa cao của nội viện Đâu-suất, trên hư không rải hoa cúng dường. Nhân đó Sư thị hiện có bệnh đến ngày hai mươi bảy tháng hai năm này, Sư tụng kinh không ngắt, trong khoảnh khắc từ biệt chúng rồi an nhiên thị tịch, thọ tám mươi tám tuổi; nhục thân nhập quan giữ lại hai mươi một ngày mà diện mạo vẫn hồng hào như lúc còn sống. Hỏa thiêu thân được rất

nhiều xá-lợi. Tháp thờ được lập ở Trương Gia sơn, Triệu Mạnh Phủ viết bài ký.

Năm Quý Hợi niên hiệu Chí Nguyên thứ ba, vua ban sắc chép Tạng kinh chữ vàng; học sĩ Ngô Trường viết tựa rằng: “Chúa Thượng chép kinh là cầu phước cho dân, là một việc làm rất cao cả!”

Ngô Trường tự là Huyền Thanh, người Sùng Nhân, Phủ châu, thông suốt kinh truyện, dốc sức với cái học của Thánh hiền. Nguyên Minh tự phụ giỏi văn chương, nghe nói Trường thấu đạt áo nghĩa của Thi, Thư, Xuân Thu, bèn khen rằng: “Cùng với Ngô Tiên sinh luận đàm giống như dò tìm nơi biển sâu”. Đồng sĩ Tuyển ghi: “Ngô Tiên Sinh là kẻ sĩ trong thiên hạ”. Trường từng nói với người học rằng: “Chu Tử đối với đạo thì lấy công cầu học làm đầu. Lục Tử Tỉnh lấy đức tánh tôn quý làm chủ. Cầu học chẳng lập gốc nơi đức tánh, thì điều tệ hại ắt là thiên về ngôn ngữ, giải thích. Cho nên học thì phải lấy đức tánh làm gốc”. Ông lại nói: “Làm người thiện mà chết thì vượt lên trên, thông với thần minh đạt cực phẩm, sáng tỏ đồng nhật nguyệt. Làm kẻ ác mà chết thì đọa vào nơi ô ố; kẻ cực ác thì đồng với loài trùng kiến”.

Tháng tám vua băng hà ở phòng ngủ nơi hành cung.

Thiền sư Trung Phong húy là Minh Bản, hiệu Trung Phong, dòng họ ở Tiên Đường. Lúc mới sinh có hiện điềm linh dị. Những trò chơi đùa lúc nhỏ của Sư đều là Phật sự. Đến tuổi niên thiếu nghe tụng đọc kinh giáo bèn đốt ngón tay khẩn thiết cầu Phật, ngày đêm siêng năng cần khổ, khi mệt thì tựa đầu vào cột mà nghỉ. Tự lập kỳ hạn khi nào được mới thôi nghỉ. Đến khi vào Tử quan thăm hợp tâm yếu, tụng kinh Kim Cang đến câu: “Gánh vác Như Lai”, hoát nhiên khai ngộ, nhưng Sư cho rằng chỗ chứng ngộ của mình chưa cùng tột. Sau thấy nước chảy mới Đại ngộ. Từ đó thuyết pháp vô ngại, soạn rất nhiều sách lưu hành thế gian.

Nhân Tông nghe tiếng sai sứ mang lễ vật đến thỉnh nhưng Sư từ chối. Vua bèn ban cho Sư y Tăng-già-lê bằng sợi vàng và thụ là Phật Nhật Quang Tuệ Phổ Ứng Quốc Sư.

Cùng năm này Sư thị tịch, thọ sáu mươi một tuổi, hạ lạp ba mươi lăm, trà-tỳ nhập tháp ở núi Thiên Mục.

Thiền sư Đoạn Nhai húy là Tông Nhất, họ Thang, ở Đức Thanh, Hồ châu. Thuở nhỏ, Sư chẳng ăn cá thịt, tư chất thông minh, đáng mạo uy nghiêm. Sư thờ ngài Cao Phong và tham câu: “Một trở về đâu?” mà khai ngộ, bèn trình kệ rằng:

*Đại địa, sơn hà một mảnh tuyết*

*Mặt trời vừa chiếu không còn vết  
 Từ đó chẳng còn nghi Phật tổ  
 Không phân Nam Bắc lẫn Tây Đông.*

Ngài Trung Phong ấn khả và nói rằng: Về sau ông sẽ lên trên đỉnh núi chót vót phát ra tiếng rống lớn.

Về sau Sư đổi tên là Liễu Nghĩa. Vua ban hiệu là Phật Tuệ Viên Minh Chánh Giác Phổ Độ Đại Sư.

**Thái Định Đế:** Định Đế tên là Dã Tôn Thiết Mộc Nhi, con trưởng của Hiến Tông, cháu đích tôn của Dụ Tông. Đầu tiên được phong làm Tự Tấn Vương, khi Anh Tông bị hành thích thì chuyển chi thứ vào kế thừa đế vị. Vua tại vị được năm năm thì băng hà ở Thượng đô.

Trong thời gian vua tại vị thì tai họa xảy ra liên miên, nhưng nhờ vẫn theo phép tắc đời trước trị dân, nên thiên hạ vô sự, thật là thời bình trị. Vua đổi niên hiệu hai lần là Thái Định và Trí Hòa. Vua nói: Phàm phòng ngừa sự việc khi còn nhỏ thì dễ, nếu để sự việc xảy ra lớn thì có cứu cũng khó. Nên nói rõ cho mọi người hầu biết được điều nên cẩn thận.

Năm Giáp Tý niên hiệu Thái Định thứ nhất.

Năm Ất Sửu niên hiệu Thái Định thứ hai.

Năm Bính Dần niên hiệu Thái Định thứ ba. Vua ban chiếu cấm các vị tăng Tây Tạng phóng ngựa nhiều dân.

Năm Đinh Mão, Đế Sư Công Ca La thị tịch.

Năm Mậu Thìn niên hiệu Chí Hòa thứ nhất, vào tháng bảy vua băng hà, không lập miếu hiệu. Tháng chín Văn Tông tạm kế vị, đổi niên hiệu là Thiên Lịch nguyên niên, lễ Công Ca Bốc Văn Quốc Công làm thầy, lập Quảng Giáo Tổng Quản Phủ thống lãnh Tăng Ni.

Minh Tông

**Minh Tông:** Tên là Hòa Thế Đông, trưởng tử của Võ Tông. Đầu tiên được phong làm Châu Vương trấn giữ Vân Nam. Khi Thái Định Đế băng hà, Văn Tông sai sứ đón trở về lên ngôi ở Bắc Hòa Ninh, lập Văn Tông làm hoàng Thái tử. Ở ngôi mới được nửa năm thì bị bạo bệnh mà băng.

Trương Dưỡng Hạo tự là Huyền, có hành nghi tốt siêng năng học tập, làm quan đến Trung thừa. Có soạn một bộ sách gồm ba quyển: Một là Triều Đường Trung Cáo, hai là Phong Hiếu Trung Cáo, ba là Mục Dân Trung Cáo. Sau khi chết, vua tặng hiệu là Bình Chương, thụy Văn Trung.

**Văn Tông:** Tên là Đồ Chiêm Mục Nhĩ là con thứ của Võ Tông,

em của Minh Đế. Đầu tiên phong làm Hoài Vương trấn giữ Kiến Khang. Đến tháng chín niên hiệu Trí Hòa thứ nhất thì tạm kế thừa ngôi vị Hoàng đế, đổi niên hiệu là Thiên Lịch. Năm Thiên Lịch thứ hai đón Minh Tông từ sa mạc trở về lên ngôi. Sau khi Minh Tông băng hà thì ông kế vị.

Năm Kỷ Ty, niên hiệu Thiên Lịch thứ hai, vua sắc xây dựng chùa Long Tường Lập Khánh ở Kiến Khang, chùa Sùng Hi Vạn Thọ ở Trường Sơn, lệnh cho các quan giỏi văn chương gom tập kinh điển và các bộ sách lớn của thế gian. Đổi Kiến Khang thành Lộ Tập Khánh, tôn vị Tăng Tây Tạng là Liễn Chân Ngật Thích Tư làm Đế Sư. Khi Sư đến, vua bảo các triều thần từ nhất phẩm trở xuống phải ra ngoài thành nghinh đón, các đại thần đều phủ phục dâng rượu nhưng Đế Sư chẳng động. Chỉ có quan Quốc Tử Tế Tửu Bột Mộc Lỗ Thân đứng thẳng dâng rượu và nói rằng: “Đế Sư là đệ tử của Thích-ca, thầy của Tăng nhân trong thiên hạ; tôi là môn đồ của Khổng Tử, là thầy của Nho sĩ trong thiên hạ, xin được không thi lễ”. Đế Sư cười đứng dậy nâng chén rượu uống hết. Mọi người đều kinh sợ.

Năm Bính Ngọ, niên hiệu Chí Thuận thứ nhất gia phong cha của Khổng Tử là Thúc Lương Hột là Khải Thánh Vương, mẹ là Nhan Thị là Khải Thánh phu nhân, Nhan Tử là phục Thánh Công, Tăng tử là Tông Thánh Công, Tử Tư là Thuật Thánh Công, Mạnh Tử là Á Thánh Công.

Tuệ Quang Thiền sư tên là Thích Dung Chiếu, tự Tuệ Quang, thọ học nơi Hoa Tạng, tu tập Thiên Thai Giáo Quán. Sau theo Pháp sư Trạm ở Uyên Tẩu đến trụ chùa Diên Khánh ở Hoa Đình, ra sức nghiên cứu giáo thừa, đồng thời siêng năng tu tập Thiền định, ngày đêm sáng tối chưa từng gián đoạn. Học do chí mà đạt đến, làm nghi biểu chốn tông lâm, dẫn dắt giúp đỡ đại chúng hơn bốn mươi năm, thanh danh vang đến kinh đô. Vua biết được nên có thưởng và ban hiệu. Mỗi năm vào Tết Nguyên đán Sư dẫn chúng tu pháp sám kim Quang Minh, cầu Hoàng đế tăng thọ. Ngoài thời gian thuyết pháp, Sư dốc sức lễ sám để cùng với chúng sinh quét sạch trần cấu, gom nhóm căn lành, về già Sư càng siêng năng tu tập. Người đạt được pháp của Sư có ba vị, Tăng Truyện ghi đó là Cư Giả, Tông Cừ và Tông Quyền đều là Long tượng của pháp môn.

Phạm Quách tự là Đức Cơ, người Thanh Giang, có thiên tư dĩnh ngộ khác người. Tuy thân gầy nhưng chịu thanh bần khắc khổ, giống như đứa trẻ, nhưng lại siêu nhiên vượt ngoài dòng thế tục. Ngô Trưng

cho ông là kẻ sĩ độc lập độc hành, đúng là bậc quân tử của đất Hán ở phương Đông, chứ chẳng phải là hư danh.

Năm Tân Mùi niên hiệu Chí Thuận thứ hai, Hàn lâm học sĩ Ngô Trừng qua đời, ông có chú thích các bộ Dịch, Xuân Thu, Lễ Ký và hiệu đính các sách như Hoàng Đế Cực Kinh, Thế Thư, Đại Đối lễ. Vua tặng tước Lâm Xuyên Quận Công, thụy là Văn Chánh.

Năm Nhâm Thân, niên hiệu Chí Thuận thứ ba. Vào tháng bốn động đất ở Thiên Ninh, tháng năm động đất ở Kinh đô, có phát ra âm thanh. Bạch hồng tịnh nhật (vầng trắng vây quanh mặt trời) xuất hiện lan khắp bầu trời. Tháng tám trống trời vang ở Đông bắc; Kinh đô, Thiểm tây có động đất, vua băng hà ở Thượng đô.

Ninh Tông

**Ninh Tông:** Tên là Hi Lâm Chân Ban, con thứ của Minh Tông. Đầu tiên được phong làm Phu vương. Khi Văn Tông sắp băng hà, di chiếu truyền ngôi cho ông, bấy giờ vua mới bảy tuổi, tại vị mới hai tháng thì băng hà.

Lâm Đan Đại Đức húy là Tuệ Vấn, họ Trương người ở Quy Đức. Đầu tiên Sư nương một bậc kỳ túc là Công Công mà xuất gia, năm hai mươi tuổi thọ giới Cụ túc. Sau theo Đại Đức Ôn Công thọ giới Bồ-tát, rồi kế thừa dòng pháp của Đan chủ Ân Công. Từ đó hành nghiệp ngày càng tăng tiến, tiếng tăm ngày càng vang xa, người theo học ngày càng đông. Sư giữ gìn trai giới rất nghiêm, giữ gìn ca-sa rất cẩn mật, đi nơi đâu bên thân cũng đầy đủ ba y, một bát. Suốt ngày chỉ chăm chăm niệm Phật. Tăng tục cùng nhau đến Sư cầu giới rất nhiều, nhận một lời chỉ dạy không ai chẳng vui mừng cảm động lãnh thọ. Sư thuyết pháp hơn vài mươi năm, đăng đàn truyền giới hơn bốn mươi hội; các Đại thần đối với Sư đều theo lễ thầy trò. Người được Sư giáo hóa có hơn vạn. Vào ngày hai mươi hai tháng mười một năm này Sư thị tịch, thọ bảy mươi ba tuổi (Phật Tổ Thông Tải)

Thuận Tông

**Thuận Tông:** Tên là Thỏa Quán Thiếp Mục Nhĩ, con trưởng của Minh Tông, vào đời Văn Tông, vì bị dèm siểm nên ông phải ra ở Quảng Tây. Khi Minh Tông băng hà ông được lên ngôi, tại vị ba mươi sáu năm, khi quân nhà Minh vào kinh thành, ông chạy đến Ứng xương, ở đây được một năm thì băng hà.

Ngày mồng tám tháng sáu năm Quý Dậu, niên hiệu Nguyên Thống thứ nhất, vua lên ngôi, đổi niên hiệu ba lần là Nguyên Thống (hai năm), Chí Nguyên (sáu năm), Chí Chánh (hai mươi bảy năm). Vua

lễ thỉnh Công Ca Nhi Lam Tang Ban Tang Bốc làm Đế Sư.

Pháp Sư Thiên Trúc húy Chân Tịnh, tự Như Am, Hoa Đình, họ Diêu. Một hôm mẹ Sư là Chu Thị nằm mộng thấy mặt trăng rơi vào bụng mà có thai Sư, khi sinh có ánh sáng lành chiếu sáng khắp phòng, có một vị Tăng lạ đến chỉ đưa trẻ và nói với người mẹ rằng: “Đứa bé này là Pháp Sư Hải Nguyệt sinh trở lại”.

Năm lên chín tuổi Sư nương Minh Tĩnh Chí Công học kinh Pháp Hoa, vừa qua tai thì thuộc lòng; mười sáu tuổi được độ làm Tăng, học rộng các thừa. Đầu tiên tham yết Vân Mộng Trạch Công, Vô Cực Độ Công, đạt được hết sở học. Trong các năm Đại Đức (1297-1308), Sư trụ ở Đức Tạng, Hải Diêm. Đến các năm Chí Trị (1321-1324) Sư chuyển sang trụ ở Siêu Quả Tùng Giang. Trong các năm Thái Định (1324-1328) thì trụ ở Hạ Thiên Trúc. Sư đề ba chữ “Phật Quốc Sơn” trên cổng lớn của chùa để cho mọi người biết. Trong các năm Chí Thuận (1330-1333) Sư được ngài Trạng Đường Trừng Công đề cử làm người kế thừa. Sư tận tâm lực hoằng pháp, người học tụ tập cả ngàn vị. Vua mến mộ đạo đức của Sư nên ban hiệu là Phật Tâm Hoằng Biện và Ca-sa Tăng-già-lê viền sợi vàng. Sư lấy việc tụng kinh Pháp Hoa làm thời khóa, dù lạnh nóng chưa từng thiếu sót. Vào năm này Sư thị hiện có bệnh, viết kệ để lại rồi thị tịch, thọ bảy mươi hai tuổi, năm mươi hạ lạc. Sau khi trà-tỳ thu được nhiều xá-lợi năm màu, lưỡi và xương đầu chẳng cháy. Tháp thờ được lập ở bản sơn (Tăng Truyện).

Mồng một tháng giêng năm giáp Tuất, niên hiệu Nguyên Thống thứ hai, mưa máu ở Biện Lương, thấm đỏ cả quần áo. Tháng ba mưa lông ở Chương Đức, giống như sợi tơ màu xanh, trong dân gian có bài đồng dao rằng: “Trời mưa tơ xuống, nhân dân sinh oán, cả đất Trung nguyên, ắt có tai biến, lụt lội hạn hán, thay nhau phát sinh”; tháng bảy có sao băng lớn như cái bát, màu đỏ có ánh sáng. Tháng tám có động đất ở Kinh đô, trời rạng sáng thì núi lở, phá thành một cái ao rộng trăm dặm.

Năm Ất Hợi, đổi niên hiệu là Chí Nguyên thứ nhất.

Năm Bính Tý, niên hiệu Chí Nguyên thứ hai, động đất ở Túc Tông núi bị xé; Tần châu núi lở, sâu lúa xuất hiện ở Hoàng châu; còn ở Triết Giang từ mùa Xuân cho đến tháng tám trời vẫn không mưa, nhân dân đói khổ, vua ban chiếu cứu trợ.

Tháng bốn năm Đinh Sửu, niên hiệu Chí Nguyên, một ngôi sao xuất hiện ở Vương Lương đến tháng bảy mới tắt ở Quán Sách, tên của ngôi sao này định là ngôi sao Phòng, chủ về loài ngựa, lại có tên

là Thiên tứ. Vì Vương Lương giỏi biết ngựa cho nên đặt tên như thế. Tháng năm dân gian có lời đồn rằng: “Triều đình tuyển chọn các đồng nam đồng nữ”, cho nên đồng loạt cưới nhau hết.

Sao chổi xuất hiện ở Đông bắc. Tháng bảy ở huyện Võ Thiệp có sâu lúa xuất hiện, Y Trương Khoan ngửa mặt lên trời nguyện rằng: “Hãy giết chết Y này, chớ làm tổn thương trăm họ!” Quạ đen ăn hết loài sâu này. Vua sai khắc bản bộ luận do Kim Lý Tường soạn, đồng thời khảo chứng và cho lưu hành, trong đó môn nhân của Lý Tường là Hứa Khiêm viết lời tựa.

Hứa Khiêm tự là Ích Chi, học tập nơi Kim Lý Tường. Lý Tường dạy rằng: “Nho học của ta, lý chỉ là một mà phân biệt khác nhau, Lý chẳng lo chẳng phải một, điều đáng ngại là ở nơi phân biệt!” Do đó Hứa Khiêm đặt sự luận biện ở nơi phân biệt, mà cốt yếu là quy về Nhất lý. Kim Lý Tường lại dạy: “Đạo của Thánh nhân chỉ ở nơi trung mà thôi!” Do đó Hứa Khiêm đối với mọi sự chỉ cầu chỗ Trung mà sử dụng, và tự cho rằng ta chẳng phải là người có lỗi lớn, chỉ vì dụng công học tập không gián đoạn. Giáo của ông lấy ngũ tánh, nhân luân làm gốc; lấy thuật khai minh tâm, biến hóa khí chất làm đầu; lấy sự vị kỷ làm then chốt để lập tâm; lấy sự phân biệt nghĩa lợi làm phép tắc xử sự. Ông từng nói: “Hoặc giả mình đã biết lại làm cho người cũng được biết, như thế há chẳng sung sướng lắm ư?”

Cũng năm này ông qua đời, thọ sáu mươi tám tuổi, hàng môn nhân gọi ông là Bạch Vân Tiên sinh. Ông có soạn Tứ Thư Tông Thuyết Thi, Danh Vật Sao, Độc Thư Truyện, Quán Sử. Sau vua ban thụy là Văn Ý.

Đồng thời Trần Nhạc ở Hưu Ninh, Hồ Nhất Quế ở Vụ Nguyên đều vì giảng cái học minh đạo mà được kính trọng bấy giờ.

Thái Bạch là tượng của Thượng Công Đại Tướng Quân xuất ở hướng Tây sẽ lặn ở Tây, xuất phương Đông sẽ lặn ở Đông. Quá ngộ là đã đi qua bầu trời, cho rằng ban ngày thấy hiện ở trên trời. Thái bạch là sao Thiếu âm, lấy cung Kỷ Mùi làm giới hạn, nhưng đi qua cả bầu trời là vì có điềm chẳng thần phục mà khởi binh.

Tháng giêng năm Mậu Dần, niên hiệu Chí Nguyên thứ tư, vì họa động đất mà đại xá thiên hạ. Tháng bốn mưa đá, hạt lớn như nắm tay, có các dạng như vòng, xuyên, sứt, voi... Núi chấn động ở Tím châu, mưa lớn ở Thiệu Vũ, nước ngập hai trượng. Núi lở ở Củng Xương, chôn vùi nhiều người.

Tháng bốn mùa hạ năm Kỷ Mão, niên hiệu Chí Nguyên thứ năm, gia phong hiệu nữ Tào Nga hiệu là Tuệ Cảm Linh Hiếu Chiêu Thuận

Thuần Ý Phu Nhân.

Tháng sáu ở Đinh châu nước dâng hơn ba trượng, ngập cả nhà cửa ruộng vườn.

Sao Thái bạch thường đi qua bầu trời.

Tông Chu Pháp Sư húy là Tử Văn, người Tứ Minh, đặc pháp nơi ngài Bắc Khê, Văn Công, đầu tiên ra trụ ở chùa Bảo Vân, thông đạt giáo quán, nghiêm trì luật nghi. Lúc bình thường thì nói năng chậm chạp, nhưng một khi lên tòa thì luận biện thao thao, như nước trên cao đổ xuống không gì ngăn được. Lúc lâm chung Sư còn giảng kinh Thập Lục Quán, giảng xong liền thăng tòa từ biệt chúng mà thị tịch.

Có người thưa hỏi Sư rằng: Về hậu sự Hòa thượng chưa từng dặn dò chỉ dạy, đến lúc ấy thì báo thị tịch như thế nào? Sư đáp: “Đã là Tăng thì việc cần làm liền làm, chớ làm theo kẻ thế tục, vì nhi nữ chấp trước tính toán mà có hậu sự!”

Đại chúng tha thiết khẩn cầu. Nhưng Sư liền xuống tòa, trở về phương trượng, mỗi mỗi đều ghi chép. Sau đó chấp tay niệm, danh hiệu Tây Phương Tứ Thánh, hồi hướng phát nguyện xong thì thị tịch. Sau khi trà-tỳ thân được vô số xá-lợi (Tăng Truỳện)

Năm Canh Thìn niên hiệu Chí Nguyên thứ sáu, xử sĩ Ngô Lai luận về làm văn giống như dùng binh, có chánh có kỳ, chánh là pháp độ, như đội ngũ phân minh. Kỳ tức chẳng bị pháp độ trói buộc, thiên biến vạn hóa, thì chẳng từng loạn động.

Thiên Như Thiên Sư húy là Duy Tắc, đặc pháp nơi Trung Phong Quốc Sư, trụ ở Sư Tử lâm, Cô Tô. Sư có soạn Lăng-nghiêm Hội Giải, Thiểu Tông Ngũ Lực, Tịnh Hoặc Vấn, Thập Pháp Giới Đồ Thuyết lưu hành ở đời.

Nguyên Toái Pháp sư người ở Thiều Khê, sư có các tác phẩm Viên Giác Kinh Tập Chú lưu hành ở đời.

Hư Canh Pháp Sư húy là Dật, một trong ba cao đồ của ngài Vân Môn, sư có Thi Văn Tập lưu hành ở đời.

Năm Tân Ty, niên hiệu Chí Chánh thứ nhất, vua xem sách của Tống Huy Tông và khen hay. Học sĩ Lăng Lăng tâu rằng: Huy Tông thật đa năng, nhưng có một việc bất năng, mà thân bị nhục nước bị mất đều là do chẳng thể làm vua dẫn đến (Bất năng vi quân sở trí). Bậc nhân chủ quý ở chỗ là có năng lực làm vua.

Nguyên Tẩu Thiên Sư húy Hành Đoan, họ Hà ở Lâm Hải, xuất gia ở viện Hóa Thành, tham học nơi ngài Kính Sơn Tạng Tẩu mà đạt được yếu chỉ. Năm Canh Tý, niên hiệu Đại Đức Sư khai đường thuyết

giảng ở chùa Tư Phước, Hồ châu, tiếng tăm vang đến kinh thành, vua hạ chiếu ban hiệu Tuệ Văn Chánh Biện, tước Bình Chương, Trương Lư Công, từ Trung Thiên Trúc chuyển sang trụ ở Linh Ẩn. Vua ban chiếu lập hội Thủy Lục Trai ở Kim sơn, thỉnh Sư thuyết pháp, lại theo chiếu mà vào cung, tâu đối rất hợp ý vua, nên gia phong hiệu Phật Nhật Phổ Chiếu. Sau trở về Nam ẩn cư tại Tây Am. Năm Nhâm Tuất niên hiệu Chí Trị đồ chúng thỉnh Sư trụ Kính Sơn. Ba lần được ban y Kim lan, mọi người đều cho là vinh hiển, còn Sư vẫn tự như.

Đầu tiên Tống Độ Tông lập đàn, tâu trình lên thiên đình gặp Thượng đế, vì việc trụ trì đời bốn mươi tám của Kính Sơn, đời bốn mươi bốn của Hồ Nham, cho rằng việc trụ trì há thể vội vàng tự ý được ư? Tất cả đều do Thiên Đỉnh sự định. Sư nghe điều này ra sức phản bác. Và Sư là người thích hợp để kế thừa.

Ngu Am Thiên sư húy là Siêu Trí, tự Dĩ Trung, người Cô Tô, đắc pháp nơi Nguyên Tẩu Hành Đoan. Sư lần lượt trụ trì chùa Long Giáo và Phổ Từ. Vua ban hiệu là Minh Biện Chánh Tông Quảng Tuệ Thiên sư. Sau đó lên Tịnh Từ rồi trụ trì ở Kính Sơn. Đã bốn lần lên tòa cao xiển dương Phật pháp, chấn động khiến trời người quỷ thần đều nghe. Tăng tục đến tham học rất đông. Sau đệ tử của Sư gom tập ngữ lục ở bốn hội, Tống Văn Hiếu viết lời tựa vô cùng tán dương, phát khởi lòng tin kính cho mọi người.

Mai Ốc Thiên Sư húy là Niệm Thường, sống ở Hoa Đình, họ Hoàng. Một hôm mẹ ngài là Dương thị cầu khẩn Quan Âm Đại Sĩ, thì đêm ấy mộng thấy một vị lão Tăng lông mi dài gá vào mà có thai Sư. Khi sinh Sư, có ánh sáng kỳ diệu chiếu khắp phòng, và mùi hương lạ xông khắp. Sư xuất gia ở viện Viên Minh, Bình Giang học tập các kinh điển, kế đến tham học nơi Hối Cơ Hy Công mà tỉnh ngộ. Sau đó Sư lễ bái ở Ngũ Đài sơn, rồi đến Kinh đô, được Đế Sư tôn ngưỡng, mời dự vào hội chép Tạng Kinh chữ vàng. Sư soạn Phật Tổ Thông Tải, gom chép đầy đủ sự tích của pháp môn qua các thời đại. Sư trụ trì ở Tường Phú, là một bậc siêu xuất trong hàng Tăng.

Dụng Minh Thiên sư húy là Ân, người Tứ Minh. Sư có tác phẩm Văn Tập lưu hành thế gian.

Đoạn Giang Thiên sư húy là Ân, một trong ba cao đồ của ngài Vân Môn.

Năm Nhâm Ngọ, niên hiệu Chí Chánh thứ hai, người ở Đại đồng ăn thịt lẫn nhau, động đất phát ra âm thanh như sấm, núi La Phù ở Tuệ châu bị lở.

Năm Quý Mùi, niên hiệu Chí Chánh thứ ba, vua ban chiếu tu chỉnh ba bộ sử Liêu, Kim và Tống, phong Thoát Thoát làm quan Đô Tổng Tài.

Học sĩ Yết Hệ Tư tự là Mạn Thạc, người ở Phong Thành. Thoát Thoát hỏi ông việc chánh trị lấy gì làm đầu? Ông đáp rằng: “Lấy việc tích tụ nhân tài làm đầu. Nuôi dưỡng họ khi danh vọng của họ chưa có được, sử dụng họ sau khi họ đã hoàn toàn nắm được các việc, thì mới được”. Sau ông qua đời được phong tước Quận Công, thụy là Văn An.

Trạm Đường Pháp sư húy Tánh Trừng, hiệu Việt Khê, họ Tôn, người Cối Kê, mẹ ngài là Khương thị một hôm nằm mộng thấy mặt trời mà có thai, sinh ra Sư. Đầu tiên Sư lễ Luật sư Thù ở Thạch Môn cầu xuất gia và thọ giới Cụ túc, hiểu sâu nghĩa “chỉ trì tác phạm”. Kế đến nương Phật Giám Thiểm Công học Thiên Thai giáo quán, lại tham yết Vân Mộng Trạch Công thì càng thêm được kính trọng. Sư xin khôi phục lại Thiên Thai Quốc Thanh tự, sang Cao Ly tìm cầu những kinh điển bị thất lạc của tông Thiên Thai. Nước Ngô Việt bị hạn hán lớn, Sư tập chúng thuyết pháp, cầu mưa, có ứng nghiệm. Nhằm năm mất mùa nhân dân đói khát chết chóc nhiều không thể khâm liệm hết được, Sư bèn chôn cất các thi hài ấy và lập Thủy Lục đại hội để cứu độ.

Trong khoảng niên hiệu Chí Trị, Sư vâng chiếu vào kinh, vua hỏi đạo ở điện Minh Nhân, sắc trụ trì chùa Thanh Tháp, hiệu đình Đại Tạng Kinh. Vua đặc biệt ban y Kim lan và hiệu là Phật Hải Đại Sư. Sau Sư trở về Vân Ngoại Trai ở Thiên Trúc, rồi chùa Phật Quả ở đất Việt đốc chỉ tu Tịnh độ. Sư tu Nhất tâm Tam quán bảy ngày đêm cảm được điềm lành. Một hôm Sư tập chúng lại nói rằng: “Hôm nay thì có, sợ rằng mai không, ngày giờ có thể nắm bắt đũa giỡn ư?” Sáng sớm hôm sau Sư ngồi ngay thẳng thị tịch, thọ bảy mươi tám tuổi, sáu mươi bốn hạ lạc. Nhập kim quan bảy ngày mà dung mạo vẫn tươi nhuận như lúc còn sống.

Tác phẩm của Sư có Kim Cang Tập Chú, Tâm Kinh Chú, Tiêu Tai Kinh Chú, Di-đà Kinh Cú Giải, Nhân Vương Kinh Khoa, Như Ý Luân Chú Kinh Khoa lưu hành thế gian (Tăng Truyền).

Năm Giáp Thân niên hiệu Chí Chánh thứ tư các vị Tăng trụ trì các chùa xin khôi phục Tăng ti, tấu sớ có đoạn ghi: “Bị các quận huyện bức khổ như ngồi trong địa ngục”. Thoát Thoát lại ghi: “Nếu khôi phục Tăng ti thì đâu khác gì lập địa ngục trong địa ngục”, nên chẳng chấp nhận.

Tiểu Ấn Pháp sư húy là Hân, thụy hiệu là Quảng Trí Toàn Ngô Đại Thiên sư. Lúc xưa khi Văn Tông chưa lên ngôi có lập chùa Long

Tướng Đại Tập Khánh, thỉnh Sư trụ trì, ban chức Đại Trung Đại phu quản lý các việc trong chùa viện. Sư phụng sắc hiệu chính Bách Trượng Thanh Quy do Đức Huy biên tập lại. Vào ngày mười bốn tháng năm năm này Sư thị tịch, thảng tám nhập tháp ở núi Bát Vân, phía Nam kinh thành, gần tháp ngài Khương Tăng Hội. Hành nghiệp và đạo hạnh của Sư có ghi chép đầy đủ trong Ngũ Văn Tĩnh Học Cổ Lục và trong Hoàng Văn Hiến Tống Văn Hiến Nhị Công Bi Minh.

Đệ tử đặc pháp của Sư có ngài Tông Lạc, tự Quý Đàm, trong niên hiệu Hồng Võ trụ trì chùa Thiên Giới, tiếng tăm vang xa. Bảy giờ triều đình càng trưng dụng kẻ sĩ làm quan rất nhiều, Sư nói rằng: “Ấn sĩ không cầu mong nơi triều đình, triều đình cần cầu nơi ấn sĩ. Như thế danh tiếng có gì đáng tiếc?”

Năm Ất Sửu niên hiệu Chí Chánh thứ năm, Thừa Chỉ Lăng Lăng khi gặp việc thì tinh anh bộc phát, sôi nổi luận biện. Mỗi khi đất nước gặp phải thiên biến, dân chúng bị tai họa, ông khuyên vua, xét thân tu hành, ngõ hầu có thể làm cho trời chuyển ý. Ông rất giỏi viết chữ, sau khi ông qua đời, người ta tranh nhau những tờ giấy ông đã viết để làm của báu.

Ba bộ sử Tống, Kim, Liêu đã hoàn thành, vua nói: Sử đã hoàn thành, đối với người thiện đời trước, Trẫm nên theo đó để làm phép tắc, đối với kẻ ác đời trước, Trẫm phải nên lấy đó để răn mình. Đâu chỉ làm vua làm thần mới xem, mà tất cả cũng phải biết, hầu dùng cái thiện cái ác đời trước để tự khuyên răn.

Năm Bính Tuất niên hiệu Chí Chánh thứ sáu, động đất kéo dài bảy ngày ở Sơn Đông, ở Thiệu Võ động đất phát ra âm thanh như tiếng trống, vỡ đê Hoàng hà, Lý Khôi tâu xin cúng tế đền miếu ngoài thành nên gần gũi chánh nhân, xa lánh tà nịnh, tôn dương mà chế phục âm.

Mồng một tháng giêng năm Đinh Hợi, niên hiệu Chí Chánh thứ bảy, nhật thực, tiết đại hàn mà gió mạnh thổi các quan đi châu té ngã. Ở Đông bình có động đất, Sơn Đông có động đất làm thành quách bị hư hoại, âm thanh phát ra như sấm, nước sông giao động.

Thiền sư Trúc Nguyên hựu Thủy Thạnh, tự Trúc Nguyên, tự hiệu là Vô Trụ Ông, người Lạc Bình, họ Phạm. Mẹ Sư họ Từ, khi sinh có ánh sáng lành chiếu khắp nhà. Đầu tiên Sư lễ Thường Sơn Công cầu xuất gia, kế đến tham học nơi Nguyệt Đình Trung Công, sau tham kiến Cô Đan Tế mới tự tin rằng nhất định có thể chứng được pháp. Vì thế mà phát nguyện rằng: “Nếu đời này ta không làm Phật, thì sẽ vào địa ngục Vô gián”. Do đó dốc sức tham cứu mấy lần khai ngộ. Tế Công thọ

ký rằng: “Về sau ông sẽ xiển dương Tông ta hưng thịnh”. Trong những năm Thiên Lịch, đại chúng lễ thỉnh Sư trụ chùa Diệu Quả ở Tây Hồ. Hàng Công Khanh đồng thời cùng Sư kết bạn phương ngoại, giao du rất thân thiết. Ngày hai mươi bốn tháng bốn năm này, sau khi viết kệ, Sư an nhiên thị tịch, thọ bảy mươi ba tuổi. Sư dặn bảo môn đồ rằng: “Cần phải thấu suốt tâm tông của chư Phật, hành giải mới tương ứng”.

Lý Quý Quang người Ôn châu, lúc thiếu thời đã làu thông kinh sử, dốt chí học nghiệp, làm văn chỉ theo phép tắc của cổ văn đời Tần Hán, không bị câu thúc nơi sự ưa chuộng đương thời.

Chu Công Thiên tự Khắc Thăng, chuyên về trước thuật. Ông có soạn Thư Truyện Sơ Nghĩa, Tứ Thư Ước Thuyết, Tứ Thư Thông Chỉ lưu hành ở đời.

Năm Mậu Tý, niên hiệu Chí Chánh.

Dương Tái tự là Trọng Hoàng, người Hàng châu. Đối với văn chương ông chủ trương lấy khí làm chủ, tự lập thành một phái riêng; còn đối với Thi đặc sắc nhất là có pháp độ lấy thể tài từ Sở Hán, mà âm tiết thì lại lấy Đường thi làm tông.

Học sĩ Ngu Tập tự là Bá Sinh, cha ông tên là Cấp có lời văn rất thanh mà thuần, mẹ là Dương thị cũng thông kinh sử, em là Bàn tự Trọng Thường; một gia đình tiến sĩ. Bàn là Đào Am, Tập là Thiệu Am. Ông từng nói: “Thử văn tài mà biết người cao mà chiêu mộ, bất tất phải có chủ ý trước, nếu chủ ý định trước thì tâm cầu hiển nhỏ hẹp mà sai lệch bắt đầu từ đây”. Tháng mười một năm này Phương Quốc Trân làm loạn ở Thai châu, tụ tập bè đảng trên biển. Triều đình ban cho quan tước mà chẳng nhận. Thế lực ngày càng mạnh.

Phương Quốc Trân người Quảng Nham, còn gọi là Cốc Trân. Trân có bốn anh em, đầu tiên nhân bày tiệc rượu mưu sát diên chủ, việc bị lộ nên kháng cự giết những người đến bắt. Sau quan quân đến cũng giết hết; bốn anh em bèn chạy trốn, sống trên biển hơn mười năm, mới đánh Chương châu, làm cướp biển quấy rối vùng này. Bấy giờ những người văn hay võ giỏi đều bị giặc cướp này hãm hại. Từ khi Thái Bất Hoa bị trúng kế chết thì thế lực cướp biển ngày càng mạnh, chiếm cứ mười hai quận ở Ôn và Thai hơn mười tám năm. Khi Thái Tổ lên ngôi, thì bọn cướp chạy trốn ra biển và quy phục.

Tháng bốn năm Kỷ Sửu, niên hiệu Chí Chánh thứ chín có người đàn bà họ Trương sinh một bé trai, mới một tuổi mà đã cao bốn thước (1,2 m), dung mạo dị thường, bụng lớn phệ như tượng Hòa thượng Bồ Đại mà thế tục đã vẽ, đứa bé thấy mọi người thì cười.

Lý Hiếu Văn soạn Dự Đức Tập, Đoan Bản Đường Kinh Sử Yếu Nghĩa, Đại Bảo Lục, Đại Bảo Quy Giám dâng lên vua. Một hôm hoàng Thái tử đến điện Thanh Ninh sắp xếp giảng tòa mời thỉnh các danh tăng Cao Ly và Tây Phiên đến giảng. Thái tử nói rằng: “Lý Hiếu Văn tiên sinh dạy Nho học cho ta đã nhiều năm, nhưng ta chưa hiểu được ý nghĩa; hôm nay chỉ một đêm nghe Phật pháp mà ta đã thấu rõ”. Do đó càng tôn sùng Phật học.

Đại Đạo trụ trì chùa Thiên Long húy là Thiện Bình, lập Tông Quế lâu để cư trú, học tập nơi ngài Khánh Am hỏi đạo pháp nơi ngài Trung Phong.

Năm Canh Dần niên hiệu Chí Chánh thứ mười. Thiên thạch rơi ở Đệ châu, núi xé lở ở Phụng châu, tháng sáu có ngôi sao lớn như mặt trăng vào phạm vi của Bắc đẩu phát ra âm thanh như sấm. Tháng mười một có nhật thực, hai ngôi sao rơi ở Diệu châu thành đá có hình dáng như cái búa.

Năm Tân Mão, niên hiệu Chí Chánh thứ mười một, vua ban lệnh tu sửa đê Hoàng hà, huy động quân dân hai vùng bờ Nam Bắc đến mười bảy vạn người, tu sửa được hai trăm tám mươi dặm. Ở đoạn Hoàng Lăng Cương có nhật thực con mắt của người đá. Dân gian có bài đồng dao rằng:

“Một con mắt của người đá, làm dấy động nước Hoàng hà, thiên hạ nổi dậy làm phản”.

Lưu Phúc Thông, người Dĩnh châu, vào tháng năm năm này lấy khăn hồng làm hiệu vây hãm Dĩnh châu, đến tháng sáu thì chiếm cứ Chu Cao, công phá La Sơn, Chân Dương, Xác Sơn, vây hãm Vũ Dương, Diệp huyện. Tháng chín công hãm châu Nhữ Ninh. Đồng đảng đông đến mười vạn.

Hàn Sơn Đồng người ở Loạn thành, Tổ phụ đã dùng tín ngưỡng Bạch Liên Hội để mê hoặc dân chúng, đến đời Sơn Đồng thì hô hào rằng: “Thiên hạ đại loạn, Phật Di-lặc giáng sinh”. Nhân dân các vùng Hà Nam, Giang Hoài đều cùng nhau tin lời này. Phúc Thông... lại lừa dối nói rằng: “Sơn Đồng là cháu tám đời của Tống Huy Tông sẽ làm chúa Trung Quốc”, rồi giết ngựa, trâu tế cáo trời đất, hẹn cùng nhau khởi binh. Việc bị bại lộ, quan huyện truy bắt, Sơn Đồng không thoát được; vợ là Dương thị, con là Hàn Lâm phải trốn đến Vũ An.

Tháng tám, Lý Lão Nhị, Bành Triệu Quân dùng binh làm phản đánh phá Từ châu.

Lý Nhị hiệu là Chu Ma, cũng dùng tín ngưỡng để tụ tập đồ đảng

khởi binh. Trâu Phổ Thắng... ở Ma Thành lại dùng yêu thuật, tụ tập đồ chúng mưu phản, cũng lấy khăn vàng làm hiệu.

Từ Thọ Huy người ở La Điền, Kỳ châu, còn có tên là Chân, cùng với đồng đảng là Nghê Văn Tấn... khởi binh đánh phá vây hãm Kỳ Thủy và Quảng châu, tiến xưng là Hoàng đế đặt quốc hiệu là Thiên Hoàng, niên hiệu là Trị Bình, chiếm cứ một vùng hơn mười quận ở Hán Dương, Hưng Quốc.

Vào tháng giêng ở Tín châu, Thiều Võ và Cù châu trời làm mưa lúa; ở Kiến Ninh, Nhiêu châu, trời mưa xuống những hạt đen lớn như hạt lúa, hạt đậu, nhân dân nhặt lấy để ăn. Tháng mười một có sao xuất hiện ở phương Tây, tháng mười hai sao Thái bạch đi ngang qua bầu trời.

Năm Nhâm Thìn niên hiệu Chí Chánh thứ mười hai, ở Lũng Tây động đất một trăm ngày mới dứt, thành quách ngã đổ, gò núi hang động biến đổi. Công sở ở Hội châu, tường vách sụp lở, tìm thấy hơn năm trăm cây nỏ, cái dài nhất thì hơn một trượng, ngắn nhất cũng chín thước, không ai dương nổi. Năm này lại có nhật thực.

Quách Tử Hưng người Định Viễn thấy ở Nhữ, Dĩnh khởi binh, các quận náo động bèn cùng với đồng đảng là Tôn Đức Nhai... khởi binh, tự xưng là Nguyên Sư đánh phá Hào châu và chiếm cứ nơi đây. Các hào kiệt, phần lớn vào thành để bảo vệ.

Bá Ốc Thiên sư hứ Thanh Cũng, người Thường Thục, mẹ là Lưu thị, lúc sinh ra Sư, có ánh sáng lạ xuất hiện. Đầu tiên lễ ngài Sùng Phước Vĩnh Duy cầu xuất gia và thọ giới Cụ túc, sau lên núi Thiên Mục tham kiến ngài Cao Phong. Ngài Cao Phong hỏi:

- Ông đến đây vì việc gì?

- Sư đáp:

- Con vì cầu pháp mà đến!.

- Pháp há dễ cầu lắm sao? Cầu phải đốt tay làm hương mới được!

Sư nói:

- Ngày hôm nay tự thân con tham kiến Hòa thượng thì Đại pháp há ẩn được ư?

Ngài Cao Phong trầm chấp nhận, trao cho câu thoại đầu: “Vạn pháp quy nhất”, Sư siêng năng ở lại hầu hạ ba năm, kế đó tham ngài Cập Am bỗng nhiên có tỉnh, bèn nói: “Thời tiết thanh minh lúc mới mưa, Hoàng Ly đầu càng hót rõ ràng”. Cập Am gật đầu và dự nói rằng: “Về sau ta và ông ngồi trong một khám”. Khi ngài Cập Am trụ ở đạo

tràng tại Hồ châu, thì Sư quản lý Tạng Kinh. Ngài Cập Am nói với đại chúng rằng: “Người này là cá vảy vàng trong biển pháp”. Sau lên Hà Mịch sơn, Cập Am bảo đến Thiên Hồ, Sư lại đến Phước Nguyên ở Hồ châu. Triều đình ban cho tiền và tinh kỳ. Hoàng hậu ban cho y Kim lan, lại hạ chiếu ban thụ là Phật Từ Tuệ Chiếu Thiên Sư.

Tháng bảy năm này Sư thị tịch, có để lại pháp ngữ và thi kệ lưu hành ở đời.

Cao Hoàng đế, tổ tiên ở Cú Dung, đến đời Tổ phụ thì dời sang Hoài, đến đời cha thì đến Thái Bình, sinh được bốn người con, đế là con út. Trần thái hậu một hôm nằm mộng thấy một vị thần mặc áo đỏ, cầm hốt ngà tặng cho một hoàn thuốc phát ánh sáng chiếu khắp nhà, bà liền uống vào, khi tỉnh dậy cảm thấy có mùi hương lạ quanh thân, từ đó có thai. Ngày sinh ra Đế cũng có mùi hương lạ và ánh sáng màu hồng ngưng kết lại chẳng tan; bấy giờ là ngày mười tám tháng chín năm Mậu Thìn, niên hiệu Đại Lịch thứ nhất. Một hôm Nhân Tổ đi lấy nước sông tắm cho bé, bỗng nhiên thấy một tấm lưới màu hồng từ thượng lưu trôi xuống, nên lấy làm tã lót cho bé. Từ đó trong nhà thường có ánh sáng lạ. Bé sinh đã mấy ngày mà chẳng ăn, người nhà tìm cầu thầy thuốc, nhưng lại gặp một vị Tăng, bèn thuật lại sự việc, vị Tăng nói: “Giờ Tý đêm nay đưa bé sẽ ăn!”, nói xong liền biến mất. Quả nhiên đêm ấy đưa bé đã ăn.

Lúc nhỏ Đế rất nhiều bệnh, Nhân Tổ muốn cho độ làm Tăng, nhưng Thái hậu chẳng muốn. Đến năm Đế mười bảy tuổi thì cha, mẹ và ba người anh lần lượt qua đời, Đế chỉ còn một thân cô độc bèn tuân theo ý của Tiên phụ gửi thân vào chùa Hoàng Giác. Sau xuất du học đạo, nửa đường bị bệnh, lại có hai người mặc áo tía giúp đỡ thuốc thang cơm cháo. Hết bệnh lại tiếp tục lên đường. Có lần vào lúc ban đêm bị nạn ở Ma Hồ, lúc ấy nghe một nhóm trẻ hô to là: “Nghinh Thánh giá!”, nghe kêu mà chẳng thấy. Bôn ba nhiều năm rồi lại trở về chùa. Năm hai mươi lăm tuổi gặp binh loạn, bèn gieo một quẻ ở chùa, nguyện rằng: Nếu tị nạn thì được quẻ cát dương, nếu vẫn giữ nơi cũ thì được quẻ cát âm, quẻ ra một âm một dương. Liền tự nguyện rằng: “Ra sống bên ngoài chẳng thể khởi nghĩa ư?” Quẻ cũng theo ra như thế. Lại nguyện nữa thì quẻ vọt lên trên lò hương.

Đế vào đất Hào gặp Quách Tử Hưng. Hưng thấy Đế tướng mạo kỳ dị, nói năng rất hợp ý, bèn giữ lại làm thân binh, dần dần kính tin và gả cho Mã Hậu, giao cho việc chinh phạt. Sự nghiệp Đế vương đặt nền móng từ đây.

Năm Quý Tỵ niên hiệu Chí Chánh thứ mười ba, vua ban chiếu cho vị Tăng Tây Phiên làm quốc sư; Già Lân Chân làm quốc sư của Đại Nguyên. Tiếng Phiên gọi là “Giai tức những cai”, giống như tiếng Trung Quốc nói: “Sự Sự vô ngại”.

Vua tự chế định một cái đồng hồ trong cung cao khoảng sáu mươi bảy thước, làm một cái hòm bằng gỗ, trong đó có đặt một cái bầu, nước di chuyển lên xuống. Trên cái hòm có lập một điện Tây Phương Tam Thánh. Bên hông của hòm có tượng ngọc nữ bưng thể định thời khắc. Khi đến giờ thì nổi lên mặt nước. Hai bên hòm có hai tượng thần giáp vàng, một bên có treo chuông. Ban đêm thần nhân này có thể định canh giờ mà gõ. Trong vườn vua có lập thuyền rồng, từ đầu đến đuôi dài một trăm hai mươi trượng trên có lập năm điện. Thân thuyền và năm điện đều được trang trí vàng ngũ sắc, tự qua lại trong hậu cung vui chơi nơi Hải Tử (Nam Hải Tử). Khi thuyền đi thì đầu, đuôi, mắt, móng rồng đều cử động, có cung nữ múa theo, gọi là Thiên Ma Vũ. Khi trong cung tán Phật thì xét theo vũ điệu mà tấu nhạc.

Trương Sĩ Thành người ở Bạch Câu Trường, làm Diêm Cương Ti Nha Quái, bản tánh khinh tài, thích bố thí, rất được lòng mọi người; thấy các nơi khởi binh, nên cùng với em là Sĩ Tín, Sĩ Đức chiêu mộ trai tráng khởi binh đánh phá Thái châu, giết chết tri phủ Lý Tề, thừa thắng hô hào vào thành, quan lại vội vã bỏ thành chạy trốn. Sĩ Thành bèn chiếm cứ, xưng vương, đặt quốc hiệu là Chu, niên hiệu là Thiên Hựu. Bây giờ lại đem quân đánh chiếm Bình Giang, Tòng Giang, Thường châu; đất đã rộng binh đã cường, trở thành kinh địch. Chiến tranh bắt đầu từ đây.

Ngày mồng một tháng giêng năm Giáp Ngọ, niên hiệu Chí Chánh mười bốn, nước sông ở Biện Lương đóng băng, tạo thành những đám hoa cỏ năm màu, giống như một bức tranh đến ba ngày mới tan.

Học sĩ Hoàng Tấn, thụy là Văn Hiến. Ông có soạn Nhật Tồn Trai Cảo, Nghĩa Ô Chí, bút ký lưu hành ở đời (Tự Tấn Khanh, người Kim Hoa)

Sa-môn Bảo Châu húy là Giác Ngạn ở chùa Bảo Tướng Chức Lý, Ô Trình (nay là Thanh Thái am). Học lực thông suốt cổ kim, từng khảo cứu các sự tích của dòng Thích khoảng trên dưới một ngàn năm và rộng đến các nước rồi soạn thành bản thảo, sau hiệu đính lấy tên là Thích Thị Kê cổ lược. Từ khi có Phật ra đời đến nay (đời Tống), phàm những hành nghiệp, xuất xứ của các danh Sư, Đại đức, cho đến sự hưng phế của chùa tháp, sự nhiều ít về tăng lữ đều được gom chép đầy đủ. Lấy nội điển làm cơ sở rồi tham khảo các sử và truyện ký mà sắp xếp.

Trong đó theo năm tháng trước sau để ghi chép sự việc, đồng thời khảo xét kỹ lưỡng, không có chỗ thiếu sót, sách được Lý Hoàn viết lời tựa. Sách này thật có thể thêm vào những việc mà quốc sử còn thiếu sót, hoàn thành đầy đủ cho biên niên sử của Thiên Gia, là kim chỉ nam cho một thời đại.

Tháng hai năm Ất Mùi, niên hiệu Chí Chánh thứ mười lăm, Lưu Phước Thông... đón Hàn Lâm Nhi về và lập làm hoàng đế, hiệu là Tiểu Minh Vương, đóng đô ở Hào châu, xưng quốc hiệu là Tống, đổi niên hiệu là Long Phượng nguyên niên.

Tháng sáu, Thái tổ Cao hoàng đế triều ta từ Hòa châu vượt sông đánh chiếm lộ Thái Bình. Các bậc lão nho như Đào An, Lý Tập... dẫn các phụ lão ra thành nghinh tiếp và thưa rằng: “Minh Công dẫn binh qua sông, oai thần vũ dũng mà chẳng giết hại nhân dân, khiến cho lòng người rất vui mừng, quy phục. Đó là thuận ý trời theo lòng người mà chinh phạt; thiên hạ sao không thái bình?” Đế vì thiên hạ mà khởi binh. Tội nhẹ ban chiếu đại xá.

Năm Bính Tý niên hiệu Chí Chánh mười sáu, hai mặt trời chạm nhau, sao chổi xuất hiện đuôi dài hơn một trượng, quả mận như móng tay màu vàng, có bài đồng dao rằng: “Quả mận sinh móng tay vàng, nhân dân không có nhà cửa”. Lại có sao rơi xuống đất phát ra âm thanh và hóa thành đá, hình dáng như đầu chó, vua sai đem giữ trong kho.

Quân của Đại Minh chiếm giữ lộ Tập Khánh; ngự sử Phước Thọ qua đời sau được ban thụy là Trung Túc. Đổi Tập Khánh làm phủ Ứng Thiên. Thái Tổ vào thành hiểu dụ rằng: “Ta đến đây vì dân mà trừ loạn, mỗi mỗi hãy an định chức nghiệp”, nhân dân rất vui vẻ lại cùng chúc mừng nhau. Đào An tâu với Thái Tổ rằng: “Kim Lăng là Kinh đô của các bậc Đế vương xưa, có long bàn (rồng cuộn) hổ cứ (cọp ngồi) ngăn cách bởi Trường giang hiểm trở; nếu chiếm cứ nơi đây, với hình thế ấy, thì xuất binh về Tây hướng nào chẳng được. Đó là điều mà trời ban cho Minh Công đó!”

Kim Lăng, vì Sở Uy Vương thời chiến quốc cho vùng đất này có vượng khí Đế vương nên chôn vàng để trấn giữ. Vì thế gọi là Kim Lăng. Đời Hán gọi đó là Mạt Lăng, đời Ngô gọi là Kiến Nghiệp, đời Tần gọi là Kiến Khang, sáu triều đại đều đóng đô nơi đây. Đời Tùy đổi thành Tương châu, đời Đường gọi là Thăng châu, đời Tống gọi là Giang Ninh, đời Nguyên gọi là Tập Khánh. Đặt hành Ngự Sử Đài của các lộ vùng Giang nam tại nơi đây nên gọi là Nam đài.

Khi Thái Tổ vượt sông, hoặc cho rằng muốn định thiên hạ thì

không thể không tham kiến vị Tăng ở Kim Bích Phong. Khi đến Tuyên châu tham kiến thì vị Tăng vẫn ngồi kiết già, không hành lễ, Thái Tổ quát một tiếng, vị Tăng cũng quát một tiếng. Thái tổ hỏi rằng: “Đã từng thấy tướng quân giết người chưa?”

Vị Tăng lại hỏi: “Đã từng thấy Hòa thượng không sợ chết chưa?” Thái tổ liền buông kiếm làm lễ, vị Tăng liền đáp lễ rồi từ tốn nói rằng: “Kiến Khang là vùng đất có thể định vương nghiệp!”

Thiết Quan Đạo nhân tên là Trương Cảnh Hòa, người ở vùng Giang hữu, đạo thuật cao, giỏi tướng số. Ông yết kiến Cao hoàng đế và tâu rằng: “Minh Công có cặp mắt của loài rồng phượng, trời đất đều hưởng về, năm núi đều quy phục, nhật nguyệt đều chiếu soi, cốt cách thanh nhã, tiếng nói lớn mà trong, thật là tướng quý không thể nói hết. Nhưng bốn phía có khí vây quanh, như mây tan trăng hiện. Điều đáng mừng là màu vàng và sáng từ mũi thẳng lên đến thiên đình, đợi đến khi thần thái rực sáng, như gió thổi mây tan, tức là đến ngày lên ngôi vị, có thể ứng nghiệm trong một ngàn ngày. Hơn nữa sao Dịch Mã ở biên địa có khí xấu, đi về phương Nam gặp địch, cần phải cẩn thận đề phòng”.

Thái Tổ ghi nhớ và giữ lại trong trướng. Đạo sĩ thường kết am tranh ở Chung sơn; sống ở Kinh đô chưa được vài năm, một hôm vô cớ tự nhiên nhảy xuống cầu Đại Trung tự vẫn, không tìm thấy di thể. Thần tiên ra đi chẳng thể thấy được.

Học sĩ Chu Thăng tâu với Cao Đế rằng: “Xây dựng tường thành cao, tích trữ nhiều lương thực, ngoài việc xưng vương, thì không có lời nào khác”.

Thiên Ngạn Pháp sư húy Hoằng Tế, tự Đồng Chu, hiệu Thiên Ngạn, họ Dao, người ở Cối Kê. Đầu tiên lễ Vũ Điền Mãn Ông chùa Bảo Tích cầu xuất gia, được trao cho kinh Pháp Hoa, vừa đọc qua có thể ghi nhớ. Sau khi thọ giới Cụ túc, Sư tinh tấn trì luật, nghiên cứu sâu xa giáo thừa, chí thành tu sám pháp. Một hôm Sư nhập định thấy một Tôn giả trao cho cây như ý tê giác, từ đó luận biện vô ngại. Sư khai đường thuyết pháp ở chùa Viên giác vạn thọ. Sư gia trì mật chú vào cát rồi ném trên đất để cứu họa băng trên bờ biển. Sau Sư trụ trì chùa Hiển Từ và chùa Tập Khánh, lại dời qua chùa Viên Thông ở Cối kê, tu Niệm Phật Tam-muội. Vua ban chiếu cho Sư trụ chùa Phổ Phước, rồi trở về Thanh Cảnh các. Năm ấy Sư thị tịch (Tăng Truyện).

Tháng ba năm Đinh Dậu, niên hiệu Chí Chánh mười bảy, quân của Đại Minh đánh Thường châu, Trương sĩ Thành sai em là Sĩ Đức cứu viện, bị Từ Đạt mai phục bắt sống, Sĩ Thành mất hết nhuệ khí, xin dâng

tài vật để cầu hòa, Từ Đạt vẫn bao vây và hạ thành.

Năm này có rồng đánh nhau ở sông Lạc Thanh làm nổi gió lớn, nơi nào nó đến đều có lửa rực sáng như quả cầu, làm chết hơn vạn người. Đại Đô của nhà Nguyên vào ban ngày mà có sương mù khiến trời đất mịt mờ không phân biệt được người, vật, kéo dài đến mười lăm ngày. Lại có núi lở đất nứt nẻ ở lộ Tỉnh Giang.

Trần Hữu Lượng, con trong một gia đình ngũ phủ ở Miện châu, làm Huyện lại Bất Lạc, gặp lúc Thọ Huy và Văn Tuấn khởi binh, Hữu Lượng cảm khái mà theo về. Từng làm quan lo về sổ sách cho Văn Tuấn, rồi cũng lãnh quân làm nguyên soái. Đến khi Văn Tuấn chỉ biết phóng túng, tâm chẳng thể an định, muốn mưu sát Thọ Huy, việc chẳng thành nên chạy đến Quảng châu, Hữu Lượng nhân lúc Tuấn thế cô tập kích mà sát hại, đồng thời hợp quân của Văn Tuấn về mình mà tự xưng là Bình Chương, Thọ Huy chẳng thể chế phục. Thế lực của Lượng ngày càng mạnh, sau giết cả Từ Thọ Huy rồi tự xưng Đế đặt quốc hiệu là Hán, đổi nguyên hiệu là Đại Nghĩa, chiếm cứ các vùng Hồ, Quảng. Về sau bị Thái tổ diệt, trúng tên xuyên qua đầu mà chết.

Thiên Nham Thiên sư húy Nguyên Trường, tự Vô Minh, người Tiêu Sơn, họ Đổng, mẹ họ Hà. Lúc nhỏ Sư thường đau ốm, mẹ Sư phải cầu khẩn Đức Quan Âm, hứa cho xuất gia, bệnh mới thuyên giảm. Đầu tiên Sư học thông chín phái trăm nhà, kế đó học Pháp Hoa. Nghiên cứu luật bộ nơi các Luật sư chùa Linh Chi. Sau tham câu thoại đầu: “Con chó không có Phật tánh”, được ngài Trung Phong quyết trạch ấn chứng dặn dò: “Hãy khéo léo tự giữ gìn”. Khi Sư ẩn cư tại Thiên Long, hàng ngày thường có hai con rắn đến vây quanh tòa ngồi, Sư bèn thuyết Tam quy Ngũ giới, rắn cất đầu rồi cúi xuống lễ bái rồi đi. Từ đó được tiến cử trụ trì rất nhiều, nhưng Sư không nhận, mà lại đến núi Phục Long ở Điều Thương, khôi phục ngôi già lam Thánh Thọ. Danh tiếng của Sư vang xa đến triều đình, vua ban hương quý, y Tăng-già-lê và hiệu là Phổ Ứng Diệu Biện.

Sau lại gia tặng hiệu Phật Tuệ Viên Minh Quảng Chiếu Phổ Lợi. Hàng vương công, đại thần đến Sư hỏi đạo rất nhiều, trong nước ngoài nước đều kính ngưỡng danh đức của Sư.

Tuyệt Tông Thiên sư húy là Thiện Kế, thụy là Văn Minh Tuệ Hải, họ Lô, người ở Chư Ký. Mẹ Sư là Vương thị, một hôm nằm mộng thấy một vị thần Tăng trao cho một hoa sen trắng mà có thai và sinh ra Sư. Đầu tiên lễ Hòa thượng Tư Cung ở chùa Linh Bí ở Sơn Âm cầu xuất gia; sau nương Đại Sơn Khôi Công ở Thiên Trúc tu học Thiên Thai giáo. Kế

đó Sư tham yết ngài Trạng Đường, hỏi đáp rất nhanh nhẹn. Trạng Đường nói với đại chúng rằng: “Ngày sau pháp luân xoay chuyển, ắt kỳ vọng nơi người này!” Bèn cử Sư làm Đệ nhất tòa, Ngọc Cương Nhuận Công cũng cử Sư đệ nhất.

Sư khai đường giảng kinh Kim Quang Minh ở Lương Chử, ban đêm mộng thấy ngài Tứ Minh Pháp Trí nói rằng: “Ngài giảng kinh này phù hợp ý tôi!” Từ đó Sư càng tinh tấn tu tập. Sư từng dạy chúng rằng: “Một bộ chỉ quán là phương tiện (công cụ) của kinh Pháp Hoa, Nhất thừa thập quán là chánh thể của Pháp Hoa Tam-muội. Các ông nên dụng cả hành giải, vận cả chánh trợ, thì mới có thể chứng được viên vị, chẳng phụ ý lập tông của Tổ sư”. Sau Sư chuyên tu tịnh nghiệp, nhất tâm niệm danh hiệu Di-đà ngày đêm chẳng đoạn. Một hôm bảo Đại chúng rằng: “Phật tổ hoàng hóa, quý ở chỗ thời tiết nhân duyên, nếu duyên và thời trái nhau, thì nương vào đâu mà hoàng hóa? Nay ta sắp trở về!” Rồi Sư ngồi yên mà thị tịch, bấy giờ nhằm ngày hai mươi hai tháng bảy năm Đinh Dậu niên hiệu Chí Chánh mười bảy, thế thọ bảy mươi hai. Sau khi trà-tỳ thì lưỡi chẳng cháy. Tháp thờ xây ở phía Tây Linh Bí. Đệ tử thượng thủ đặc pháp có Khởi Đại Phác...

Phù Trung Thiên sư húy là Hoài Tín, họ Khương, người Phụng Hóa, mẹ là Lưu thị; lúc mới sinh dung mạo đã khác phàm, gặp Tăng thì rất vui mừng. Đến năm mười lăm tuổi, Sư lễ Tử Tư ở viện Pháp Hoa cầu xuất gia, thọ giới Cụ túc ở chùa Ngũ đài, tu học Tam quán Thập thừa nơi Bán Nham Toàn Công, nghiên cứu yếu chỉ Thiên Tông nơi Trúc Tây Viên Công, lai tham kiến Vân Ngoại Tự Công. Sau Sư khai pháp ở chùa Quán Âm ở Minh Chi, dời sang trụ ở Phổ Đà. Bấy giờ có Trấn Nam Vương với tâm rộng rang tới hỏi đạo; Tuyên Nhưộng vương cũng sai sứ đến dâng cúng hương chiên-đàn và y Tăng-già-lê, xin chỉ dạy pháp yếu. Sư lập Bảo Thạch ở Cô Tô, xây tháp Đa Bảo Phật. Vua ban cho Sư hiệu là Quảng Tuệ Diệu Ngô Trí Bảo Hoàng Giáo, thỉnh trụ chùa Trung Thiên Trúc rồi đến Thiên đồng. Sau Sư trụ trì chùa Đại Long Tường, xiển dương Tông thừa, người đến tham học rất đông; Đại, Tiểu thừa đều hoan hỷ thân cận.

Sáng sớm một hôm, Sư bảo đại chúng rằng: “Ta sắp trở về! Các ông nên lấy việc gánh vác Phật pháp tự làm kỳ hạn, gắng sức tinh tấn tu hành mới được”.

Nói xong Sư viết kệ rằng:

*Bình sinh vì người điên đảo*

*Bảy mươi tám năm tiết lộ*

*Sáng nay buông tay liền đi  
Vạn dặm trời không mảnh tuyết.*

Ngày hai mươi bốn tháng tám năm này Sư thị tịch, hạ lạp sáu mươi chín, năm Mậu Tuất, niên hiệu Chí Chánh mười bảy, nhằm niên hiệu Long Phượng thứ tư đời Tống. Học sĩ Âu Dương Huyền tự là Nguyên Công, văn chương, đạo đức đều nổi tiếng trên đời. Phàm những sách vở về lễ nhạc phần lớn đều xuất xứ từ tay ông. Ông mất năm tám mươi lăm tuổi, thụy hiệu là Văn. Có Khuê Trai Tập lưu hành ở đời.

Minh Ngọc Trân người Tùy châu, tự tập hương binh đồn trú ở Thanh sơn, chưa bao lâu thì hàng Thọ Huy. Đến khi Nghê Văn Tuấn đánh chiếm Thục, thì lệnh cho Ngọc Trân trấn giữ. Văn Tuấn chết, ông chiếm cứ Thành đô. Các quận huyện ở đất Thục đều gọi là Hạ, đổi niên hiệu là Thiên Thống.

Tháng giêng Trần Hữu Lượng vây hãm An Huy, tướng Nguyên là Từ Khuyết tử trận được ban thụy là Trung Liệt, sau lập miếu thờ, hàng năm đều có cúng tế. Tháng ba Tống Mao Quý phá Tế Nam, Tả thừa tướng nhà Nguyên là Đồng Bác Tiêu tử trận, khi bị chém đầu không có máu phun ra, chỉ có một luồng hơi trắng phụt lên trời mà chết.

Tháng mười hai, quân của Đại Minh chiếm lộ Vụ châu, quan và Tăng giữ thành đều bị chết. Thái tổ chỉ dụ các tướng rằng: “Dễ dẹp được loạn lạc tuy phải dùng võ lực, nhưng an dân tất phải dùng lòng nhân. Quân đội hành binh, thế như lửa cháy, lửa cháy thì nhân dân ắt trốn tránh. Người làm tướng nên lấy việc chẳng giết chóc làm trọng tâm, như thế không những quốc gia được lợi ích, mà chính mình cũng được phước. Các tướng nên theo lời ta thì đại sự chẳng khó đạt, Đại công ắt sẽ thành.”

Năm Kỷ Hợi niên hiệu Chí Chánh mười chín, tức tháng bốn niên hiệu Long Phượng nhà Tống. Vua cho rằng vì thiên hạ có nhiều việc nên từ chối việc chúc mừng vào tiết Thiên Thọ, vua ban chiếu rằng: “Trẫm nên kính Thiên địa, noi theo Tổ tông để tự tu tỉnh. Ngày sinh nhật của ta, quần thần khỏi phải vào chầu”.

Phù Hưu Thiên sư húy Duãn Nhược, tự Quý Hành, người Nhược Da. Năm mười lăm tuổi lễ Vân Môn Nguyên Công thế phát xuất gia, kế đó tham yết Pháp sư Khôi ở Đại Sơn học Thiên Thai giáo quán; lại lễ ngài Trạng Nhiên tham học; nghiên cứu sâu xa tất cả tông nghĩa mà ngài Pháp Trí đã lập. Sau Sư theo ngài Trạng Đường vào Yên kinh, được vua ban hiệu là Từ Quang Viên Chiếu. Sư ra khai đường ở viện Tinh Thánh, rồi trụ trì chùa Hưng Hóa ở Hàng châu. Sư cùng với Thiên

Ngạn Tế, Ngã Am Vô, Ngọc Đình Hãn đều có đạo đức thanh danh cao tột, người thời bấy giờ gọi bốn ngài là Tiên Đường Tứ Y. Sau Sư trụ ở Vân Môn, lại cùng với Đoạn Giang Ân, Hưu Canh Dật đón gió ngâm vịnh, người đời gọi là Vân Môn Tam Cao. Sư lần lượt trụ ở Viên Thông, Thượng Thiên Trúc. Bấy giờ có suối Anh Lạc khô cạn nước đã lâu, Sư cầu nguyện thì suối lại tuôn nước, vua bèn đặt tên là Tái Lai Tuyền. Sư lại lập tinh xá chuyên tu Pháp Hoa Tam-muội, lúc tuổi già thì chuyển tu tịnh nghiệp. Sau Sư bị giặc cướp giết hại, nhằm ngày hai mươi chín tháng hai năm Kỷ Hợi, thọ tám mươi tuổi, sáu mươi lăm hạ lạc. Trà-tỳ thâu được rất nhiều xá-lợi lớn như hạt đậu. Bình sinh Sư chẳng bao giờ nói cười hư dối, Triệu Tử Ngang gọi Sư là Ngự Sĩ trong hàng Tăng.

Sư có soạn Nội Ngoại Tập lưu hành ở đời.

Đại Dụng Pháp sư húy là Tất Tài, tự Đại Dụng, họ Khuất, người Thai châu. Năm mười hai tuổi, Sư lễ Pháp sư Tây Cù cầu xuất gia và sau đó thọ giới Cụ túc. Kế đến tham yết Trạm Đường Trường Công, thân cận Ngọc Cương Nhuận Công, nhập thất tham cứu kinh điển. Dù trời nóng chảy vàng, lạnh đóng băng Sư cũng không ra khỏi thất. Vì thế huyền chỉ của sơn gia, yếu nghĩa của giáo quán, Sư đều thấu suốt. Ngài Ngọc Cương từng nói: “Người này nếu chẳng phải đã tu tập trên hội Linh sơn, thì đâu thể được như vậy?” Sư theo ngài Ngọc Cương đến Đức Tạng, phân tòa cùng Sư thuyết giảng. Sư luận biện như mưa tuôn sóng cuộn, người nghe đều khen ngợi. Sau Sư kế thừa trụ trì Đức Tạng, rồi đến Hưng Phước ở Hàng châu, Diển Phước. Thuận đế ban cho Sư hiệu là Phật Giám Viên Chiếu.

Ngày mười chín tháng ba năm Kỷ Hợi, Sư đốt hương niệm lớn danh hiệu A-di-đà trọn một ngày đêm rồi bảo đại chúng rằng: “Duyên Tịnh độ của ta đã chín, Tam-muội đã hiện tiền”, viết thư cáo biệt những người đã quen biết, rồi chấp tay thị tịch. Khi trà-tỳ nhục thân Sư, có ánh sáng năm màu, lửa từ kim quan phát ra, lưỡi răng chẳng cháy, rất nhiều xá-lợi, đào sâu đất một thước cũng vẫn có. Sư hưởng thọ sáu mươi tám tuổi, năm mươi sáu hạ lạc. Sư có soạn Diệu Huyền Văn Cú, Chỉ Quán Tăng Trị Trợ Văn, Pháp Hoa Niết-bàn giảng nghĩa, Chương An Kinh Khê Pháp Trí Thể Văn Thi Kệ lưu hành thế gian.

Pháp sư Đồng Giang húy là Thiệu, vì người ở Đồng Giang Đại Nghiêm, nên lấy đó làm hiệu. Sư họ Ngô, mẹ là Lý thị. Đầu tiên Sư đến chùa Phước Sơn cầu xuất gia và thọ giới Cụ túc, từng cho rằng: Cá hóa rồng chịu ở vũng nước cạn để cầu sống ư? Sư bèn đến tham yết Đại Biện Lăng Công ở Sang Kính, Lăng Công dùng pháp đơn truyền

tâm ấn để cật vấn Sư rất lâu. Sau đó Sư lại tham vấn khắp các bậc danh túc, biết rằng pháp chẳng có khác vị. Do đó Sư trở về đọc Đại Tạng, trải qua ba lần mới thông được chỉ thú. Sư khai đường ở chùa Cảnh Đức, chấn hưng lại phép tắc đã bị phế bỏ. Vua ban chiếu trụ chùa Bảo Lâm ở Nghĩa Ô, làm pháp tịch hưng thịnh một thời. Ngày mồng bảy tháng tám năm Kỷ Hợi, Sư an nhiên thị tịch, thọ bảy mươi bốn tuổi, năm mươi tám hạ lạc. Trà-tỳ thâu được xá-lợi như hạt châu tía xanh, răng và râu chuôi vẫn còn.

Sư có soạn Tam Hội Ngũ Lục, Đồng Giang Tập lưu hành ở đời.

Tháng giêng năm Canh Tý niên hiệu Chí Chánh hai mươi, mây năm sắc xuất hiện, ở Đại đô có chim Đổ quyên. Sao chổi xuất hiện ở phương Đông. Mồng một tháng năm có nhật thực, mưa đá.

Lưu Bá Ôn húy là Cơ, người ở Quát Thương, thuở nhỏ đã thông minh hơn người, phàm các sách về thiên văn, binh pháp, tánh lý, ông vừa xem qua thì liền đạt được chỗ cốt yếu. Khi ông đến vùng Tây Hồ, có đám mây lạ xuất hiện ở phía Tây bắc, ánh sáng chiếu xuống mặt hồ. Bấy giờ Lỗ Đạt Nguyên và những người đi theo đều cho là mây lành. Lưu liền nói: “Đó là khí tượng của Thiên tử, ứng tại Kim Lăng, sau mười năm sẽ có vua xuất hiện, ta sẽ phò giúp!” Các người kia đều cho là cuồng ngôn, mà bỏ qua, chỉ có Triệu Thiên Trạch ở Tây thực lấy làm lạ, cho ông thuộc dòng dõi Gia Cát Khổng Minh. Năm ấy Thái Tổ hạ Kim Lăng, bình định Quát Thương. Cơ bèn chỉ tượng Càn và nói với những người thân tín rằng: “Đó là mệnh trời, chứ đâu phải là sức người!” Thái Tổ sai người đem lễ đến mời, ông bèn đến Kim Lăng, trình bày mười tám sách lược, Thái tổ thâu nhận.

Dương Hiếu nói: Phước thì nền móng ở sự chí thành, họa thì sinh từ lòng phản phúc.

Năm Tân Sửu, niên hiệu Chí Chánh hai mươi một, nhằm niên hiệu Long Phụng thứ bảy của Tống, niên hiệu Đại Nghĩa thứ hai của Hán, mồng một tháng giêng, dâng lễ Khánh Hạ Tiểu Minh Vương. Lưu Cơ tức giận mắng chửi, chẳng lễ lạy, mà tâu trình Thái Tổ nên nhân lúc còn thiên mệnh, nên hoạch định kế chinh phạt.

Trúc Viễn Thiên sư húy Chánh Nguyên, họ Âu Dương, người ở Nam Dung. Năm hai mươi bảy tuổi Sư thọ giới Cụ túc. Đầu tiên tham kiến Lăng Công, trong lúc hỏi đáp tự nhiên tỉnh ngộ, trí tuệ khai mở, thức tâm thông suốt, trong ngoài vô ngại, đàm luận hùng hồn, tuệ biện sắc bén, động tịnh đều không. Sư trụ ở Hưng Thánh Đạo Thành, Linh Ấn tự... Đế Sư ban cho Sư hiệu là Phật Tuệ Từ Chiếu Phổ Ứng Thiên

Sư. Đại thần Phương Trấn thỉnh Sư đến trụ Kính Sơn. Ngài hai mươi sáu tháng sáu năm Tân Sửu, Sư thị tịch, thọ bảy mươi hai tuổi, bốn mươi lăm hạ lạc, tháp thờ ở Kính Sơn.

Tháng tám, Đại Minh dẫn binh chinh phạt Hán. Từ Đạt thưa: “Bình nay rất khỏe mạnh”. Lưu Cơ nói: “Dùng uy mà chế phục địch, chính là bây giờ!”

Thiền sư Thủy Am húy là Thủ Quý, tự Vô Dụng, họ Châu, người Vụ châu. Năm mười tám tuổi Sư đã học phép làm Tăng. Đầu tiên Sư tham yết Thiên Nham Trường Công được trao cho cơ hướng thượng, Sư âm thầm tham cứu có chỗ khế ngộ; Sư theo ngài Thiên Nham đến trụ Thánh Thọ cổ sát, sau lại trở về Thiên Long tham yết Trung Phong, Đoan Nhai, Lương Sơn, hỏi đáp qua lại, thấy không có gì sai biệt; Sư bèn nói: “Ngàn sông tuy khác nhưng trăng thì chỉ có một, ta nay không còn nghi gì!”

Ngày hai mươi tháng tám năm này Sư viết kệ gửi từ biệt Thừa tướng Thiếp Mục Nhĩ Công rằng:

*Một ốc sên hôi hám  
Trong ngoài đều dơ ứ  
Buông tay liền ra đi  
Hư không tiếng linh vang.*

Ngón tay Thiên Long vẫn như xưa!

Viết xong Sư ném bút thị tịch, thừa tướng xem xong khen là kỳ lạ. Sư hưởng thọ bảy mươi hai tuổi, năm mươi bốn hạ lạc. Tháp thờ ở sườn núi phía Tây Thiên Long.

Tháng mười một mùa đông năm này, sông Hoàng hà từ khoảng Tam Môn Tích ở Bình Lục xuống đến Mạnh tân dài độ trên năm mươi dặm nước trong vắt khoảng năm ngày.

Năm Nhâm Dần niên hiệu Chí Chánh hai mươi hai, nhằm năm Long Phượng thứ tám của Tống, năm Đại Nghĩa thứ ba của Hán. Vào tháng hai sao chổi xuất hiện ở khu vực sao Ngụy, dài hơn một trượng, ánh sáng trắng xanh. Tháng ba sao Trường xuất hiện ở khoảng giữa sao Hư và sao Ngụy, hình dáng như dải lụa, dài vài mươi trượng.

Tòng Ấn Thiền sư húy Đức Nhiên hiệu là Duy Am, họ Trương ở Vân Gian. Sau khi được độ xuất gia, Sư tham yết Thiền sư Thiên Nham mà có chỗ ngộ nhập. Sư lại tham yết ngài Thạch Ốc ở Hà Mạc sơn, ngài Thạch Ốc viết hai chữ: “Tòng Ấn” mà trao cho. Sư bèn đến Hoa Đình dựng am tranh lấy tên là Tòng Ấn. Sau Sư trụ trì chùa Thọ thánh, nơi ngài Thiên Nham đã ở, trích máu chép kinh. Sư có bộ ngữ lục lưu hành

ở đời.

Năm Quý Mão, niên hiệu Chí Chánh hai mươi ba, Long Phượng thứ chín của Tống, Đại Nghĩa thứ tư của Hán. Tháng giêng Minh Ngọc Trân xưng Đế, đặt quốc hiệu là Đại Hạ, niên hiệu là Thiên Thống nguyên niên.

Đến tháng bảy, Trần Hữu Lượng vây Hồng đô, Thái Tổ dẫn các tướng đến đánh dẹp, đại chiến ở hồ Bà Dương, Hữu Lượng đại bại và chết trong trận này.

Trần Hữu Lượng dẫn các tướng mạnh vây thuyền của Thái Tổ, khiến không cách gì thoát được, Hàn Thành bèn đổi mặc áo mũ của vua nhảy xuống nước mà chết. Lưu Cơ nói rằng: “Sao nạn đã qua nên đổi thuyền!” Thái Tổ liền đổi thuyền, chưa được nửa bữa ăn thì thuyền cũ bị quân địch pháo kích phá nát. Sau đó Trương Thiết Quan chúc mừng rằng: “Trần Hữu Lượng đã chết.” Hàng binh đến nói rằng: “Hữu Lượng bị trúng tên từ mắt xuyên qua đầu mà chết”.

Chu Diên Tiên người ở Kiến Xương, mỗi khi gặp người thì nói: “Cáo thái bình”. Uống rượu rất nhiều mà chẳng say. Thái Tổ bảo dùng cái lu nhốt ông rồi chắt củi đốt, củi cháy hết, dỡ lu ra thì thấy ông vẫn ngồi y nhiên. Đến khi chinh phạt Hữu Lượng, Thái Tổ hỏi ông rằng: “Lần xuất binh này như thế nào?” Ông liền buộc miệng trả lời: “Tốt!” Thái tổ ngược nhìn nóc nhà hồi lâu rồi nói: “Phía trên không có gì, muốn đi ngật chẳng gió!” Diên Tiên nói: “Cứ việc đi thì có gió, không đi thì không gió!” Thái tổ cho tiến binh thì có gió thổi mạnh. Đến khi thấy một con lợn sông thì Diên Tiên nói rằng: “Thủy quái hiện, tổn quân nhiều”.

Năm Giáp Thìn niên hiệu Chí Chánh hai mươi bốn, Long Phượng thứ mười triều Tống, Thiên Thống thứ hai nhà Hạ. Tháng giêng Thái Tổ đặt quốc hiệu là Ngô. Tháng hai Trần Lý đầu hàng, vùng Giang Tây đều bình định.

Trần Hữu Lượng nằm giường bằng vàng, có người đem dâng lên, Thái Tổ nói: “Hữu Lượng quá xa xỉ, làm sao mà chẳng bại vong?” Quan hầu cận tâu: “Chưa giàu mà kiêu, chưa sang mà phí, vì thế mới thất bại!” Thái tổ lại nói: “Đã giàu há có thể kiêu ư? Đã sang há có thể phung phí ư?”

Thật Am Thiên Sư húy là Mậu, hiệu Tòng Ân, tự Thật Am, họ Trịnh, mẹ là Hồ Thị, người Phụng Hóa. Năm mười sáu tuổi, Sư lễ ngài Hy Nhan cầu xuất gia, thọ giới nơi Luật sư Chiêu Khánh Tuệ, tham kiến Nam Giản Tuyên Công, Cổ Lâm Mậu Công. Ngài Cổ Lâm nói:

“Ông biết rõ bốn đại, năm uẩn là gốc sinh tử, vì sao lại vào cái đây da này?” Sư suy nghĩ thì bị ngài Cổ Lâm dùng gậy đánh, Sư bỗng nhiên ngộ nhập. Sau ngài Nguyệt Giang Ân Công ở đạo tràng nơi Hồ châu, thỉnh Sư phân tòa thuyết pháp, đại chúng rất hoan hỷ. Sau Tuyên Chánh viện bổ Sư trụ trì chùa Thanh Lương ở Thụy Vân; phụng sắc ban thụ là Phật Quang Phổ Chiếu. Sư trụ ở đây mười lăm năm rồi về ẩn cư ở Tuệ Đường. Ngày hai mươi bảy tháng tám năm Giáp Thìn Sư ngồi dựa vào ghế, tay phải nắm lại thành quyền, trán tựa vào đó mà thị tịch, thọ tám mươi lăm tuổi.

Năm Ất Tỵ, niên hiệu Chí Chánh hai mươi lăm, Long Phượng thứ nhất, Thiên Thống thứ hai. Tháng hai một bên mặt trời xuất hiện một mặt trăng một ngôi sao. Tháng bốn trong mặt trời có một điểm đen. Tháng năm ở Đại đô có mưa lông, sợi dài khoảng một thước (3), hoặc gọi là long tu (râu rồng), triều đình ban lệnh nhật lất để thờ cúng.

Mùa Đông năm này Thái Tổ lập Quốc tử học ở phủ Ứng Thiên, quy chế rất nghiêm và khéo léo. Thái Tổ vừa đến trước Quảng Nghiệp đường, bỗng nhiên nói rằng: “Những đứa trẻ có phước trong thiên hạ, nên được sống tại đây”. Đến nay những người sống ở đây thường thường thi đỗ đầu, làm quan đến vị Tam đài.

Năm Bính Ngọ, niên hiệu Chí Chánh thứ hai mươi sáu, Long Phượng n thứ mười hai, Đại Thống n thứ tư. Tháng hai Hoàng hà chảy về phương Bắc, từ Đông Minh, Táo Bộc đến Tế Ninh.

Tháng ba Ngọc Trân qua đời, con là Minh Thăng kế vị, đổi niên hiệu là Khai Hi.

Tháng năm, Thái Tổ sai tìm cầu những sách vở lễ Kim cất giữ ở mật phủ để tiện việc xem đọc. Thái Tổ nói: “Lời của Khổng Tử thật là phép tắc đúng đắn để trị quốc. Khổng Tử đúng là thầy của vạn đời”.

Tháng tám xây thành Kiến Khang ở phía Nam Chung sơn, kéo dài chu vi hơn năm mươi dặm, bao quát cả thặng cảnh của núi sông.

Tháng mười hai Thái tổ xây Tông miếu xã tắc, ông nói: “Cung thất chỉ cần vững chắc hoàn bị mà thôi, hà tất phải điêu khắc chạm trổ khéo léo!”

Tháng này Tống chúa là Tiểu Minh Vương Hàn Lâm Nhi qua đời.

Đàm Phương Thiên sư húy là Trung, pháp hiệu Quảng Từ, trụ trì Kính Sơn đời thứ bốn mươi chín.

Vô Hoàn Thiên sư húy là Đường. Biện Am Thiên sư húy là Nột.

Năm Đinh Mùi, niên hiệu Chí Chánh hai mươi bảy, nhà Ngô năm

thứ nhất, Khai Hi năm thứ hai. Tháng giêng ở Giáng châu ban đêm nghe trống trời vang, âm thanh như có người chiến đấu trên hư không.

Tháng ba, Thái Tổ chế định phép tắc chọn hiền tài qua các khoa thi văn võ. Đối với người ứng thí văn thì xét ngôn hạnh để biết đạo đức, khảo kinh thuật để biết học nghiệp, thi thư toán để biết tài năng, hỏi kinh sử thời vụ để biết chánh sự. Đối với người ứng thí võ thì trước khảo về mưu lược, kế đó là xét về võ thuật. Tất cả đều phải xét đến thật tài.

Ngày mồng một tháng sáu có nhật thực. Hoàng Thái tử ngủ ở sau điện; có một con rồng ở trong cái giếng gạch mới xây phát ánh sáng chiếu vào người, các cung nhân đều té ngã trên đất.

Tháng chín quân của Đại Minh lấy lộ Bình Giang, bắt Ngô vương Trương Sĩ Thành dẫn về, Sĩ Thành nhắm mắt nhịn ăn, thất cổ tự vẫn.

Tháng mười quân của Đại Minh chiếm Thông châu và Thai châu. Bấy giờ các vùng Ôn, Thai đều do Phương Quốc Trân chiếm cứ, lần lượt ra hàng. Thái Tổ sai đại tướng Từ Đạt, phó tướng Thường Ngô Xuân tiến lên phía Bắc bình định Trung Nguyên. Thái Tổ định ra luật lệnh, ban lịch Mậu Thân.

Tháng mười hai quân Đại Minh chinh phạt, Phương Quốc Trân đầu hàng.

Nam Sở Thiên sư hứ là Duyệt, người Long Hưng, pháp hiệu Phật Tứ Pháp Hỷ, trụ trì đời năm mươi ở Kính Sơn.

Gom chép tám mươi lăm vị, phụ ghi một trăm hai mươi ba vị là:

Đông Xương Pháp sư, Hạo Thiên Giàng Chủ, Dật Lâm Thượng sư, Hư Chiếu Thiên sư, Hải Vân Thiên sư, Tiên Lâm Thiên sư, Cổ Nguyên Pháp sư hứ là Thanh, Trúc Đường Pháp sư hứ Truyền, Vân Mộng Pháp sư hứ là Trạch, Si Tuyết Pháp sư hứ Xung, Vô Chuẩn Thiên sư, Yển Khê Thiên sư, Tây Vân Thiên sư, Trước Xích Thượng sư, Thích Ôn Bốc sư, Bá Lâm Pháp sư hứ Đàm, Vạn An Pháp sư hứ Giản, Tịch Chiếu Thiên sư, Phương Sơn Luật sư hứ Bảo, Đại Đức Pháp sư hứ Viên, Quan Phụ Pháp sư hứ Hoài, Nam Dương Pháp sư hứ Từ, Đại Lâm Pháp sư hứ Tánh, Hải Văn Hòa thượng, Pháp Chiếu Thiên sư hứ Hi, Uyên Tẩu Pháp sư hứ Trạ, Đại Đức Luật sư hứ Ôn, Minh Tỉnh Pháp sư hứ Chí, Vô Cực Pháp sư hứ Độ, Bắc Khê Pháp sư hứ Văn, Tạng Tẩu Thiên sư, Phật Giám Thiên sư hứ Tiêm, La Sơn Pháp sư hứ Thường, Nguyệt Đình Pháp sư hứ Trung, Cô Chu Pháp sư hứ Tế, Khánh Am Pháp sư hứ Cát, Cập Am Thiên sư, Thuấn Điển Pháp sư hứ Mãn, Linh Chi Luật sư, Tư Cung Pháp sư, Đại Sơn Pháp sư hứ

Khôi, Tử Tư Pháp sư, Bán Nham Thiền sư, Ngọc Đình Pháp sư hứ Hãn, Biệt Truyền Thiền sư hứ Giáo, Tây Cù Pháp sư, Đại Biện Pháp sư hứ Lăng, Lương Sơn Thiền sư hứ Cánh, Hi Nhan Pháp sư, Nam Giả Pháp sư hứ Tuyền, Chiêu Khánh Luật sư hứ Tuệ, Cổ Lâm Thiền sư hứ Mậu, Nguyệt Giang Thiền sư hứ Ấn, Nhật Khê Thiền sư hứ Bằng, Thiên Tâm Pháp sư hứ Tố, Lương Vĩ Pháp sư, Đông Bạch Pháp sư hứ Minh, Khai Nguyên Pháp sư hứ Khuê, Phương Sơn Thiền sư hứ Dao, Vô Kiến Thiền sư hứ Đổ, Đẩu Nham Thiền sư hứ Phương, Vô Dụng Thiền sư, Vô Nhất Thiền sư hứ Toàn, Xuân Cốc Thiền sư, Cát Hoài Pháp sư, Không Trung Pháp sư hứ Giả, Linh Nham Thiền sư hứ Chi, Vô Phương Thiền sư hứ Phổ, Tiểu Ấn Pháp sư hứ Đại, Độc Chúng Pháp sư hứ Đàm, Thành Sơn Pháp sư hứ Khâm, Bảo Giác Pháp sư hứ Giảm, Cổ Điền Pháp sư hứ Tư, Vô Ngôn Pháp sư hứ Tuyên, Nột Ông Pháp sư hứ Mô, Sùng Ân Pháp sư hứ Giản, Cổ Nhạc Pháp sư, Cổ Nhai Thiền sư hứ Thuần, Thạch Môn Thiền sư hứ Cương, Bồ Nạp Thiền sư hứ Ứng, Chỉ Nham Thiền sư, Thọ Di Pháp sư, Bắc Thiền Pháp sư hứ Trạch, Sĩ Chiêm Thiền sư hứ Tiêu, Thạch Ốc Pháp sư hứ Anh, Đại Quân Pháp sư, Minh Khánh Luật sư hứ Quả, Cao Ly Pháp sư hứ Giáo, Nhất Sơn Pháp sư hứ Nguyên, Phật Hải Pháp sư, Hiền Tẩu Pháp sư hứ Tư, Trúc Tây Thiền sư hứ Thản, Minh Cực Thiền sư hứ Tuấn, Trúc Điền Thiền sư hứ Lâm, Vận Tịch Pháp sư hứ Ôn, Như Hải Pháp sư hứ Châu, Trọng Phương Thiền sư hứ Luân, Trúc Ốc Pháp sư hứ Tịnh, Tử Văn Pháp sư hứ Lương, Vân Đình Pháp sư, Giác Nguyên Thiền sư, Hoàng Vân Thiền sư hứ Nhạc, Độc Hải Thiền sư hứ Thanh, Thiết Quan Thiền sư hứ Xu, Đông Tự Thiền sư hứ Hải, Thạch Lâm Thiền sư, Hư Cốc Pháp sư, Thanh Chuyết Thiền sư hứ Trừng, Tịnh Giác Pháp sư, Pháp Tú Pháp sư, Liễu Nhiên Pháp sư hứ Tái, Đông Dương Pháp sư hứ Huy, Bình Sơn Pháp sư hứ Đăng, Giác Ấn Pháp sư hứ Thành, Từ Quán Luật sư, Vô Ấn Pháp sư hứ Phạm, Nhất Sơn Thiền sư hứ Ninh, Phổ Giác Thiền sư hứ Minh, Bạch Nham Thiền sư hứ Chân, Vân Ngoại Pháp sư hứ Tự, Hoằng Giáo Thiền sư hứ Lập, Tử Đình Pháp sư hứ Huấn, Đông Lâm Thiền sư hứ Hiểu.

Nhà Nguyên khởi từ Thái Tổ năm Bính Thìn đến đời Thuận Đế năm Đinh Mùi, tổng cộng một trăm sáu mươi hai năm. Từ đời Thế Tổ năm Kỷ Mão, niên hiệu Chí Nguyên diệt nhà Tống thống nhất đất nước, đến đời Thuận Đế năm Đinh Mùi niên hiệu Chí Chánh tổng cộng là tám mươi chín năm. Nay gom chép từ năm Giáp Tý, niên hiệu Chí Nguyên đời Thế Tổ đến năm Đinh Mùi đời Thuận Đế là một trăm lẻ bốn năm.

Thụy tượng Chiên-đàn, từ năm Canh Dần đời Chu Mục Vương đến năm Đinh Mùi niên hiệu Chí Chánh, tổng cộng đã được hai ngàn ba trăm năm mươi chín năm.

Đức Thế Tôn nhập diệt vào năm Nhâm Thân đời Chu Mục Vương đến năm Đinh Mùi, niên hiệu Chí Chánh tổng cộng là hai ngàn ba trăm mười bảy năm.

Đại giáo đến Trung Quốc từ năm Mậu Thìn đời Hán Minh Đế đến năm Đinh Mùi niên hiệu Chí Chánh tổng cộng là một ngàn hai trăm chín mươi sáu năm.